

Số: 3864/BC-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 29 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025, Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025-2026

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024-2025

I. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG

Trường Đại học Cần Thơ triển khai hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và kỹ năng sống thông qua Tuần sinh hoạt công dân, các hoạt động tuyên truyền pháp luật, giáo dục truyền thống, xây dựng văn hóa ứng xử và đảm bảo an toàn trường học. Nội dung giảng dạy lý luận chính trị được đổi mới, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của sinh viên.

Trường duy trì thường xuyên công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác an ninh – trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội và rèn luyện kỹ năng sống cho sinh viên.

Hoạt động thông tin – tuyên truyền và văn hóa – văn nghệ được tổ chức phong phú, gắn với các sự kiện chính trị, lễ kỷ niệm lớn của Trường, qua đó nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần trách nhiệm và ý thức cộng đồng của viên chức, người lao động và sinh viên.

Đánh giá chung

Công tác thông tin, tuyên truyền và các hoạt động văn hóa – văn nghệ được đẩy mạnh, giúp viên chức, người lao động và người học nắm vững chủ trương, chính sách, đồng thời tăng cường sự gắn kết trong và ngoài Trường.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO – ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

2.1. Công tác tuyển sinh

2.1.1. Tuyển sinh Đại học hình thức chính quy

Năm học 2024–2025, Trường xác định 10.606 chỉ tiêu tuyển sinh, trong đó 1.146 chỉ tiêu đào tạo giáo viên, 460 chỉ tiêu tại Cơ sở Hậu Giang và 160 chỉ tiêu tại Cơ sở Sóc Trăng – năm đầu tiên triển khai đào tạo tại cơ sở này. Trường thực hiện 06 phương thức tuyển sinh đại học chính quy, giảm một phương thức so với năm 2024. Trong năm, 06 đợt thi V-SAT được tổ chức với 28.004 lượt thí sinh, tăng mạnh so với năm 2024. Ngoài ra, Trường tổ chức các môn thi năng khiếu phục vụ tuyển sinh chính quy năm 2025, gồm: Vẽ mỹ thuật (183 thí sinh), Thể dục thể thao (759 thí sinh) và Giáo dục mầm non (714 thí sinh), đều tăng so với năm trước.

Công tác xét tuyển được tổ chức đúng quy định và kế hoạch của Bộ GD&ĐT. Kết quả, Trường tuyển sinh được 10.179 sinh viên trên 10.606 chỉ tiêu, đạt 95,97% kế hoạch, trong đó có 87 SV chương trình tiên tiến và 943 SV chương trình chất lượng cao (*Chi tiết trong phụ lục I*). Trường cũng thu nhận 334 học sinh diện xét tuyển thẳng năm 2024 được xét tuyển vào đại học năm 2025, đạt tỷ lệ 97,3% so với số học sinh được xét tuyển. Ngoài ra, Trường đã xét tuyển vào đại học 60 học sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo dự bị đại học. Kết quả có 46 học sinh được xét tuyển nộp hồ sơ nhập học (số liệu 30/9/2025).

Năm 2025, Trường tiếp tục nhận được 1.450 hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng hợp lệ và có 474 học sinh đã nhập học khóa bồi dưỡng kiến thức 1 năm.

Để đạt được kết quả trên, Trường đã triển khai đồng bộ và phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong công tác tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp, tổ chức Kỳ thi V-SAT và thi các môn Năng khiếu, tiếp nhận hồ sơ, xét tuyển, công bố kết quả và thu nhận tân sinh viên đúng kế hoạch. Toàn bộ quy trình được thực hiện nghiêm túc, an toàn và đúng quy chế của Bộ GD&ĐT, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác tuyển sinh.

2.1.2. Tuyển sinh hình thức đào tạo từ xa và vừa làm vừa học

Trong năm học 2024-2025, Trường tuyển sinh hình thức đào tạo từ xa. Kết quả thu nhận 2.092 sinh viên trong 3.100 chỉ tiêu, đạt 67,4 % kế hoạch (năm 2024 có 2.815 SV được xét tuyển trong tổng số 3.050 chỉ tiêu, đạt tỷ lệ 92,29 %).

Về tuyển sinh hình thức vừa làm vừa học, Trường đã tổ chức 03 đợt tuyển sinh tại Trường và các đơn vị liên kết. Kết quả thu nhận 1.456 thí sinh nhập học trong tổng số 2.200 chỉ tiêu, đạt 66.2% kế hoạch.

Quy mô người học hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 3.196 SV, hình thức đào tạo từ xa là 6.730 sinh viên. Trong năm, có 663 sinh viên hình thức vừa làm vừa học và 953 sinh viên hình thức từ xa tốt nghiệp, góp phần mở rộng cơ hội học tập và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

2.1.3. Tuyển sinh sau đại học

Trường đã hoàn thành tuyển sinh 02 đợt trong năm 2025 với kết quả tuyển được 120 nghiên cứu sinh trong 195 chỉ tiêu, đạt 61,53% kế hoạch; 1.187 học viên cao học trong 1.450 chỉ tiêu, đạt 81,86% kế hoạch. Trường đang tổ chức tuyển thêm 08 học viên ngành Nuôi trồng thủy sản giảng dạy bằng tiếng Anh vào tháng 10/2025.

2.2. Công tác mở ngành

2.2.1. Mở ngành/chuyên ngành đào tạo đại học hình thức chính quy

Trường đã thực hiện tự chủ quyết định mở và tuyển sinh từ năm học 2025-2026 đối với 05 ngành mới gồm: Tâm lý học giáo dục, Trí tuệ nhân tạo, Thương mại điện tử, Luật dân sự và tổ tụng dân sự, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; cùng 02 chương trình đào tạo chất lượng cao thuộc các ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu và Thú y, đạt 100% kế hoạch đề ra.

Ngoài ra, Đề án mở ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo từ năm 2024 đã được Trường triển khai tuyển sinh và tổ chức đào tạo từ năm học 2025–2026 theo đúng kế hoạch.

2.2.2. Mở ngành/chuyên ngành đào tạo sau đại học

Trường đã mở mới và tuyển sinh 08 ngành/chuyên ngành sau đại học, trong đó có 05 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, gồm: Triết học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất, Sinh học, Kỹ thuật phần mềm, Vật lý kỹ thuật; 03 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, gồm: Quản lý giáo dục, Khoa học máy tính, Kỹ thuật điện.

Tất cả các ngành mở mới đều được tuyển sinh và đào tạo năm 2024, 2025, riêng 03 ngành trình độ thạc sĩ (*Sinh học, Kỹ thuật phần mềm, Vật lý kỹ thuật*) và 01 ngành tiến sĩ (*Kỹ thuật điện*) sẽ tổ chức tuyển sinh thực hiện vào năm 2026. Trường đều đảm bảo tốt điều kiện tự chủ mở ngành cũng như các điều kiện bảo đảm chất lượng, báo cáo Bộ theo quy định.

2.3. Công tác đào tạo

2.3.1. Công tác đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy

Đại học Cần Thơ tổ chức đào tạo 121 ngành trình độ đại học, với 106 ngành/chuyên ngành đào tạo chương trình đại trà, 02 chương trình tiên tiến và 13 chương trình chất lượng cao). Quy mô sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy là 39.097 sinh viên.

Trường có 8.410 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó: có 8.086 SV bằng đại học thứ nhất, 04 SV bằng đại học thứ hai, 59 SV học chương trình thứ hai, 149 SV liên thông, 01 SV cử tuyển, 102 SV xét tuyển thẳng và 09 SV dự bị đại học. Có 6.291 SV trong 7.711 SV tốt nghiệp đúng tiến độ, đạt tỷ lệ 81,6% (*Chi tiết trong Phụ lục I*).

Năm học 2024–2025 là năm thứ 18 Trường Đại học Cần Thơ thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ (triển khai từ năm 2007), hình thức này ngày càng được hoàn thiện. Công tác giảng dạy và học tập được triển khai đúng kế hoạch, đặc biệt Trường đã triển khai tổ chức giảng dạy 03 học kỳ chính trong năm học. Trường chú trọng cải tiến quy trình quản lý đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong phần mềm quản lý và các ứng dụng MyCTU, MyCTUS, đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Trường đã rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2025 (Khóa 51) ở tất cả các hình thức đào tạo. Đồng thời, cập nhật đề cương học phần, bản mô tả chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa nội dung đào tạo, hướng đến nâng cao chất lượng giảng dạy và kiểm tra – đánh giá.

Trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban biên soạn 179 giáo trình và 62 tài liệu tham khảo. Đến nay, Trường đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định 05 giáo trình và 08 tài liệu tham khảo; đã ban hành Quyết định cho phép xuất bản 02 giáo trình và 04 tài liệu tham khảo; đã xuất bản 44 giáo trình và 11 tài liệu tham khảo (*giáo trình và tài liệu tham khảo có Quyết định xuất bản năm 2025 và trước năm 2025*).

2.3.2. Công tác đào tạo sau đại học

Trường hiện có 62 ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (*bao gồm cả 02 chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy bằng tiếng Anh*); 25 ngành trình độ tiến sĩ (*bao gồm cả chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Nuôi trồng thủy sản giảng dạy bằng tiếng Anh*).

Trong năm học 2024-2025, Trường có 42 nghiên cứu sinh được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ và 578 học viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ, trong đó có 11 học viên quốc tế. Quy mô đào tạo sau đại học của Trường là 3.159 học viên cao học và 356 nghiên cứu sinh.

Trường tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ và triển khai điều chỉnh 136 chương trình đào tạo sau đại học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2025, đảm bảo phù hợp với Khung năng lực số theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT và yêu cầu liên thông giữa các trình độ. Đồng thời, Trường bổ sung chuẩn đầu vào, đầu ra, phân định rõ định hướng nghiên cứu và ứng dụng, tăng cường học phần chung nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo sau đại học.

Đánh giá chung

Công tác tuyển sinh của Trường được triển khai nghiêm túc, đúng quy chế và đảm bảo an toàn. Tuyển sinh đại học hệ chính quy đạt chỉ tiêu, nhiều ngành có điểm chuẩn cao, tuy còn một số ngành đã không đạt được chỉ tiêu tuyển sinh và điểm chuẩn như mong muốn. Công tác đào tạo đại học và sau đại học được tổ chức đúng kế hoạch, quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường; các quy trình, văn bản hướng dẫn được rà soát, bổ sung, hoàn thiện. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo. Công tác phát triển, điều chỉnh chương trình và mở ngành đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

2.4. Công tác đảm bảo chất lượng

Đối với cấp cơ sở giáo dục, đã triển khai Kế hoạch số 887/KH-ĐHCT về cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, phân công nhân sự phụ trách và thực hiện báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục giai đoạn 2023–2028.

Đối với cấp chương trình đào tạo, triển khai Kế hoạch về kiểm định chất lượng CTĐT giai đoạn 2025-2030 theo hướng tích hợp; báo cáo kết quả KĐCLGD CTĐT và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng đối với các CTĐT được kiểm định và công nhận đạt chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và AUN-QA.

Trong năm, Trường thực hiện 02 đợt đánh giá ngoài với 08 CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA và 12 CTĐT theo tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT, qua đó có thêm 24 chương trình được công nhận đạt chuẩn. Qua đó, ĐHCT có thêm 16 chứng nhận chất lượng CTĐT tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT với kết quả 96-98%. và 08 chứng nhận chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của AUN-QA với điểm trung bình 4,13-4,38 (*Chi tiết xem tại Bảng 1.1 và Bảng 1.2, Phụ lục I*).

Tính đến ngày 31/8/2025, Trường có 41 CTĐT được đánh giá lần đầu và 04 CTĐT ngành được đánh giá chu kỳ II (trong đó có 6 CTĐT trình độ thạc sĩ) đã được đánh giá và công nhận đạt chuẩn chất lượng theo Tiêu chuẩn AUN-QA với 45 giấy chứng nhận. có 34 CTĐT (gồm 4 CTĐT trình độ thạc sĩ) được kiểm định và công nhận đạt chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT.

Về công tác bên liên quan BLQ, Nhà trường đã thực hiện 13 đợt khảo sát sự hài lòng của BLQ, với tổng số 142.806 lượt BLQ tham dự, với tỷ lệ phản hồi bình quân đạt 52,29%, tỷ lệ hài lòng chung đạt 85,66%.

Về công tác khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp, có 6.633 SVTN trong tổng số 7.707 SVTN năm 2024 của 79 ngành đào tạo của ĐHCT tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ phản hồi 86,06%. Kết quả cho thấy có 6.201 SVTN có việc làm hoặc đang tiếp tục học nâng cao trình độ, qua đó xác lập tỷ lệ có việc làm đạt 93,49% (thấp hơn so với tỷ lệ 95,34% của SVTN năm 2023). Kết quả khảo sát tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp này đã được báo cáo đến Bộ GDĐT và được ĐHCT sử dụng để cải tiến chất lượng giáo dục đào tạo, xây dựng đề án tuyển sinh trình độ đại học. Ngoài ra, Trường cũng thực hiện lấy ý kiến đối 646 người học theo phương thức giáo dục thường xuyên năm 2024 và lấy ý kiến khảo sát các BLQ về nhu cầu mở ngành đào tạo đáp ứng các quy định về mở ngành và BDCL đào tạo.

Về tham gia xếp hạng trường, ĐHCT lần đầu được xếp hạng QS World University Rankings ở thứ hạng 1.218 thế giới, hạng 06 trong số 10 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được xếp hạng; thuộc Nhóm hạng 521 - 540 các đại học tốt nhất Châu Á (tăng so với nhóm hạng 601-700 năm 2024). Riêng nhóm ngành Nông nghiệp – Lâm nghiệp có thứ hạng trong nhóm hạng 351-400 thế giới (tăng so với nhóm hạng 401-450 năm 2024). Về cơ sở giáo dục đại học bền vững theo QS, ĐHCT được xếp trong nhóm hạng 1.061 - 1.080 thế giới (giảm so với nhóm hạng 1.101-1.150 năm 2024), hạng 339 Châu Á và hạng 07 Việt Nam. Bên cạnh các xếp hạng đã tham gia, Nhà trường tiếp tục nghiên cứu tham gia xếp hạng sức khỏe trường đại học (AUN-HURS) trong Mạng lưới AUN.

Về công tác xây dựng Hệ thống BDCL bên trong, Trường ban hành Kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm 2025 theo định hướng giai đoạn 2021–2025, tầm nhìn 2030; kiện toàn Hội đồng Đảm bảo Chất lượng và đổi tên Trung tâm Quản lý Chất lượng thành Phòng Quản lý Chất lượng. Đồng thời, Trường hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công cụ hỗ trợ công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng như phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu, phần mềm viết báo cáo tự đánh giá, hệ thống khảo sát trực tuyến; thực hiện báo cáo Bộ GDĐT về việc đánh giá sơ kết Quyết định số 78/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

Về đào tạo và bồi dưỡng công tác BDCL, Trường tổ chức 14 đợt tập huấn, hội nghị, sinh hoạt chuyên đề với 1.274 lượt người tham dự, gồm: 3 đợt tập huấn AUN-QA (187 lượt), 2 hội nghị khảo sát và chuẩn đầu ra (226 lượt), 4 đợt về hệ thống BDCL bên trong (363 lượt), 2 buổi tập huấn trực tuyến với Cục Quản lý Chất lượng (133 lượt) và 3 buổi sinh hoạt thông tin AUN-QA (365 lượt) (Chi tiết xem tại Bảng 1.3 của Phụ lục I)

III. CÔNG TÁC SINH VIÊN

3.1. Công tác cố vấn học tập

Công tác cố vấn học tập được triển khai nền nếp, góp phần hỗ trợ sinh viên trong học tập, rèn luyện và định hướng nghề nghiệp. Các khoa, viện phân công đầy đủ cố vấn học tập, tăng cường trao đổi, tư vấn và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ sinh viên.

3.2. Thực hiện chế độ chính sách, chăm lo đời sống SV

Thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho 7.105 lượt SV, trợ cấp xã hội cho 101 lượt với tổng số tiền hơn 50,0 triệu đồng và hỗ trợ chi phí học tập cho 104 lượt SV. Cấp phát học bổng ngân sách với số tiền 45,625 tỉ đồng cho 6.095 lượt SV. Vận động học bổng tài trợ từ các cơ quan-doanh nghiệp được 7,795 tỉ đồng để cấp cho 1313SV. Quỹ

hỗ trợ SV đã trợ cấp khó khăn đột xuất cho 72 SV với tổng số tiền 131,0 triệu đồng; Xác nhận cho 14.555 lượt SV để bổ sung hồ sơ vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội địa phương.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe SV: Tổ chức trực 24/24, khám chữa bệnh và cấp phát thuốc cho hơn 3.048 lượt SV, cấp cứu cho hơn 172 lượt SV, xử lý khác: 560 lượt SV, chuyển viện: 28 lượt SV; tư vấn cho 12SV; khám sức khỏe đầu khóa cho hơn 10.323 SV khóa mới. Thực hiện BHTN cho 6.784 SV và BHYT cho 61.153 lượt SV (5.450 lượt SV được cấp ở địa phương); vận động doanh nghiệp miễn phí BHTN cho 64 SV diện chính sách- xã hội.

Trường đã cử 428 SV đi học tập ở nước ngoài theo diện cấp học bổng và tự túc, góp phần nâng cao kỹ năng, trình độ ngoại ngữ và hội nhập quốc tế cho sinh viên.

Trường phối hợp với Phòng Cán bộ Quân khu 9 thực hiện đầy đủ quy trình lập danh sách, khám sức khỏe, thẩm tra lý lịch và báo cáo Bộ GD&ĐT, Bộ Quốc phòng để cử 100% nam sinh viên tốt nghiệp đi đào tạo sĩ quan dự bị theo chỉ tiêu được giao.

3.3. Công tác đánh giá điểm rèn luyện, khen thưởng kỷ luật SV

Trường tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện trực tuyến cho 89.559 lượt SV, thống nhất sử dụng dữ liệu đã được cập nhật có liên quan đến sinh viên từ các đơn vị trực thuộc, sự thống nhất trong kết quả đánh giá giữa các đơn vị (*Chi tiết xem trong phụ lục II*); Kiểm tra sinh hoạt công dân sinh viên trực tuyến với hơn 19.000 lượt sinh viên tham gia

Trong năm học, Trường đã khen thưởng 2.458 sinh viên, gồm 93 sinh viên đạt thành tích cấp quốc gia và 2.365 sinh viên đạt các danh hiệu: thủ khoa ngành học, điểm cao nhất khối thi, tốt nghiệp loại giỏi, có thành tích học tập – rèn luyện và hoạt động phong trào xuất sắc. Các đơn vị trực thuộc cũng biểu dương hơn 403 sinh viên có thành tích tiêu biểu

Về kỷ luật, nhằm duy trì nề nếp, kỷ cương học đường, Nhà trường đã xử lý 357 trường hợp vi phạm (hình thức khiển trách). Các đơn vị trực thuộc xử lý 540 sinh viên, gồm: 470 trường hợp bị trừ điểm rèn luyện, 64 cảnh cáo, 6 buộc ra khỏi ký túc xá.

3.4. Nâng cao hiệu quả quản lý sinh viên

Năm học 2024–2025, Trường tiếp tục đổi mới công tác quản lý sinh viên theo hướng số hóa, hiện đại hóa, triển khai hiệu quả việc đánh giá kết quả rèn luyện và kiểm tra sinh hoạt đầu năm, đầu khóa theo hình thức trực tuyến. Các quy trình thu hồ sơ, xác nhận nhập học, thu phí và thống kê dữ liệu sinh viên khóa mới (K51) được thực hiện qua hệ thống phần mềm, bảo đảm thống nhất, kịp thời và thuận tiện. Trường đã triển khai hình thức đăng ký và xác nhận trực tuyến đối với các thủ tục như tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, xác nhận vay vốn và xác nhận sinh viên, giúp rút ngắn thời gian thực hiện. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh viên được tăng cường.

Công tác đảm bảo an ninh trật tự, đời sống sinh viên nội - ngoại trú được quan tâm thực hiện thường xuyên. Trường duy trì giao ban định kỳ với Công an TP. Cần Thơ. Hoạt động quản lý ký túc xá tiếp tục được tin học hóa, cơ sở vật chất được cải tạo, nâng cấp, tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi cho sinh viên. Các phong trào, câu lạc bộ như Nhiếp ảnh, Cờ tướng, thể thao nữ sinh được duy trì thường xuyên, góp phần xây dựng môi trường học tập và sinh hoạt lành mạnh.

Đánh giá chung

Công tác sinh viên được triển khai hiệu quả, toàn diện. Nhà trường đẩy mạnh giáo dục truyền thống, lý tưởng, đạo đức, lối sống và tuyên truyền pháp luật với nhiều hình thức phong phú, thu hút sinh viên tham gia. Chế độ, chính sách và hỗ trợ sinh viên được thực hiện kịp thời, góp phần ổn định đời sống và học tập. Cơ sở vật chất, hoạt động tư vấn, hỗ trợ, hội nhập quốc tế tiếp tục được nâng cao. Công tác khen thưởng, kỷ luật và phối hợp đảm bảo an ninh trật tự được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, đáp ứng yêu cầu đào tạo của Nhà trường.

IV. CÔNG TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

4.1. Công tác quản lý, triển khai đề tài dự án NCKH các cấp

Nhà trường đã triển khai thực hiện 630 đề tài, dự án NCKH các cấp với tổng kinh phí năm 2024-2025 khoảng là 116.966.005 triệu đồng (tăng 30 tỷ đồng so với năm học 2023-2024). Cụ thể: 39 đề tài cấp Bộ với 17 đề tài ký mới năm 2025, 09 đề tài Nafosted, 57 đề tài hợp tác với địa phương với 7 đề tài ký mới năm 2025, 394 đề tài NCKH của sinh viên, 07 chương trình cấp cơ sở của viên chức với 33 đề tài cơ sở và 124 đề tài cơ sở của viên chức (*Chi tiết xem trong Phụ lục III*). Số lượng hồ sơ đăng ký đề tài Nafosted trong năm tăng đáng kể, với 80 hồ sơ được nộp, thể hiện sự quan tâm và tham gia tích cực của đội ngũ viên chức, giảng viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

Trường có 656 đề tài NCKH đã được nghiệm thu đúng hạn và được ứng dụng tại Trường và các địa phương, trong đó có 19 đề tài cấp Bộ, 5 đề tài Nafosted, 37 đề tài địa phương, 38 đề tài với doanh nghiệp, 179 đề tài cấp cơ sở của viên chức và 378 đề tài NCKH của sinh viên.

4.2. Công tác NCKH của sinh viên, học viên sau đại học

Trong năm học, có tổng cộng 394 đề tài NCKH của SV được ký hợp đồng triển khai với tổng kinh phí là 6.068 triệu đồng (năm học 2023-2024 có 351 đề tài với tổng kinh phí là 5.337 triệu đồng).

Tổ chức thành công Hội đồng xét chọn Giải thưởng SV NCKH năm 2024-2025 nhằm tôn vinh các công trình NCKH có hàm lượng khoa học cao, đồng thời tạo tiền đề cho các nhóm nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm tham gia các giải thưởng, sự kiện KH&CN cấp quốc gia và quốc tế.

Trong năm học, SV tham gia xét tặng các giải thưởng do Bộ ngành, đoàn thể, công ty tổ chức đạt nhiều giải thưởng cao (cùng với chứng nhận cho các cán bộ hướng dẫn), cụ thể như sau:

- Giải thưởng SV nghiên cứu khoa học năm 2024 do Bộ GD&ĐT tổ chức: Trường ĐHCT đạt 11 giải thưởng, trong đó có 02 giải Nhất, 03 giải Nhì và 06 giải Khuyến khích.

- Giải thưởng SV NCKH Eureka lần thứ XXVI năm 2024 do Thành đoàn TPHCM tổ chức: Trường ĐHCT đạt 01 giải Nhất, 01 giải nhì và 01 giải khuyến khích.

4.3. Hoạt động khởi nghiệp sinh viên

Trong năm học 2024–2025, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp cho sinh viên. Trang thông tin việc làm của Trường (vieclam.ctu.edu.vn) được cập nhật thường xuyên, thu hút hơn 3,5 triệu lượt truy cập, với 232 thông báo tuyển dụng từ hơn 100 doanh nghiệp hợp tác thường xuyên.

Chương trình “Café khoa học khởi nghiệp” được tổ chức 07 kỳ, thu hút trên 3.000 lượt sinh viên tham dự. Cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp tiềm năng năm 2025” thu hút 26 dự án, trong đó 03 dự án đạt giải được hỗ trợ ươm tạo với tổng kinh phí 75 triệu đồng.

Nhà trường tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nhiều sân chơi khởi nghiệp trong và ngoài nước qua đó góp phần nâng cao tinh thần đổi mới sáng tạo và năng lực hội nhập quốc tế cho sinh viên. Cụ thể: 01 dự án tham dự cuộc thi Demo day 2024 tại Indonesia; 08 dự án tham dự cuộc thi Khởi nghiệp dành cho các Doanh nghiệp nhỏ và vừa Đông Nam Á 2025 tại Hàng Châu (Trung Quốc); 04 dự án tham dự Cuộc thi Tài năng Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp Shijiazhuang “HAISHI Cup” lần thứ IV (Trung Quốc); 03 dự án tham dự SV STARTUP 2025 do Bộ GD & ĐT tổ chức; 01 dự án tham dự cuộc thi Mekong Startup 2024; 25 dự án tham gia cuộc thi CamauUp 2024 tại Cà Mau; 01 dự án tham gia giải thưởng Viet Future 2025; 03 dự án tham gia cuộc thi UMF Trường Đại học Tài chính – Marketing Tại TP. Hồ Chí Minh; 02 dự án tham dự cuộc thi Khởi nghiệp Xanh của Trung tâm BSA; 02 dự án tham gia cuộc thi “Sáng tạo trẻ” và 03 dự án tham gia cuộc thi “Sáng tạo xanh” tại trường Bách khoa Hà Nội.

4.4. Hoạt động sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ

Trường tiếp tục đẩy mạnh công tác đăng ký và xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình có giá trị khoa học và khả năng thương mại hóa cao. Trường đã nộp mới 18 hồ sơ đăng ký, chủ yếu thuộc nhóm sở hữu công nghiệp (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích); trong đó 09 hồ sơ đã được hoàn chỉnh bản mô tả và Cục Sở hữu trí tuệ – Bộ Khoa học và Công nghệ chấp nhận đơn hợp lệ. Trong năm, Trường được cấp thêm 06 Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích, nâng tổng số hiện có lên 14 Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích và 02 Bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

Trong năm, Trường đã ký kết 38 hợp đồng dịch vụ nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao công nghệ/quy trình cho doanh nghiệp, đạt doanh thu trên 18,15 tỷ đồng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học – công nghệ và khẳng định uy tín của Trường trong hợp tác với doanh nghiệp, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

4.5. Hoạt động hợp tác với địa phương, doanh nghiệp

Trường đã ký kết hợp tác với 06 doanh nghiệp, tổ chức, viện trường và hiệp hội trong nước, gồm: Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Công ty CP Bê tông 620 Châu Thới, Công ty CP Du lịch và Thương mại Mặt Trời Việt (VietSun), Công ty CP Giáo dục Quốc tế SUN EDU và Công ty TNHH Hoàn Cầu Việt Nam. Đồng thời, trước sự điều chỉnh địa giới hành chính của các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, Trường đang xây dựng kế hoạch ký kết hợp tác toàn diện với các địa phương mới trong năm 2025 nhằm mở rộng mạng lưới liên kết và tăng cường hợp tác phát triển.

4.6. Diễn đàn SDMD 2045

Trường đồng tổ chức thành công Diễn đàn Quốc tế SDMD 2024 (tháng 11/2024) với UBND Thành phố Cần Thơ với nhiều kết quả nổi bật. Xuất bản các ấn phẩm khoa học quan trọng như Tạp chí Khoa học Chuyên đề SDMD 2024, Kỷ yếu SDMD 2024, Quy trình công nghệ ĐHCT, Danh mục Tập huấn ĐHCT, Ấn phẩm thường kỳ SDMD 2024 và 10 nhóm khuyến nghị chính sách từ các Tọa đàm SDMD thường kỳ.

Phối hợp với UBND tỉnh Kiên Giang tổ chức Tọa đàm SDMD lần thứ 11 với chủ đề “Phát triển kinh tế biển – Động lực mới cho phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long”; đồng thời xúc tiến ký kết hợp tác với các doanh nghiệp, địa phương, đối tác quốc tế, mở rộng mạng lưới cựu sinh viên và các trường THPT, cũng như thực hiện khảo sát trực tuyến, đánh giá tác động của SDMD 2045 phục vụ hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

4.7. Công tác khác

Nhà Trường luôn tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị trực thuộc Trường tổ chức các hội nghị/hội thảo trong nước, quốc gia và vùng miền nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng ĐBSCL và cả nước. Năm học 2024-2025, Nhà Trường đã hỗ trợ các đơn vị tổ chức 21 hội thảo/hội nghị với tổng kinh phí khoảng 1,2 tỷ VN đồng. Đồng thời, Trường dành thêm khoảng 1,2 tỷ đồng để hỗ trợ viên chức, người lao động tham dự và trình bày báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước, cả trực tiếp và trực tuyến.

4.8. Công tác xuất bản

Năm 2024, công tác công bố khoa học của Trường đã có bước phát triển tích cực, khẳng định xu hướng nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Tổng số công bố khoa học đạt 2.140 bài. Đáng chú ý, số bài đăng trên các tạp chí quốc tế đã vượt mốc 1.000 bài, trong đó có 754 bài thuộc danh mục Scopus, 441 bài thuộc danh mục Web of Science. Đặc biệt, năm 2024, Trường có 231 bài khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science và Scimago xếp hạng Q1, Q2 đã được Bộ GDĐT xét thưởng theo Quyết định số 1344/QĐ-BGDĐT ngày 15/6/2025. Đây là minh chứng rõ nét cho chất lượng nghiên cứu khoa học ngày càng cao của Trường, qua đó góp phần quan trọng nâng cao vị thế học thuật của Đại học Cần Thơ.

Bảng 1. Công bố khoa học qua các năm học 2023 và 2024

Năm	2023	2024
Tạp chí quốc tế các loại. Trong đó:	928	1.034
- Tạp chí quốc tế thuộc Scopus	683	754
- Tạp chí quốc tế thuộc Web of Science	392	441
Tạp chí trong nước	824	826
Kỷ yếu quốc tế	152	117
Kỷ yếu trong nước	152	163
Tổng cộng	2.056	2.140

Thực hiện Chỉ thị số 02-CT/ĐU ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy, năm học qua Tạp chí khoa học tiếng Anh của Trường (CTU Journal of Innovation and Sustainable Development-CTUJoISD) tiếp tục được cải tiến và nâng cao chất lượng. Ngày 06/7/2025, Tạp chí CTUJoISD đã đạt được một cột mốc quan trọng khi được chỉ mục vào cơ sở dữ liệu Scopus, khẳng định vị thế học thuật của Trường trong cộng đồng nghiên cứu quốc tế. Năm 2025 Tạp chí khoa học tiếng Anh và tiếng Việt đều có 20 Hội đồng ngành/liên ngành công nhận và cho điểm công trình, nhiều hội đồng ghi nhận điểm ở mức cao, góp phần thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học và công bố của đội ngũ giảng viên và học viên trong toàn trường.

Đánh giá chung

Việc gắn kết NCKH và đào tạo của Trường được thực hiện theo chủ trương nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển giáo dục đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội địa phương. Hoạt động tổ chức xét/ tuyển chọn, triển khai và nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN các cấp đã và đang triển khai theo đúng kế hoạch, nghiêm túc, chặt chẽ, 100% đề tài NCKH cơ sở do VC-NLĐ và SV đạt yêu cầu được giao và cấp kinh phí thực hiện. Công tác xuất bản bài báo khoa học thuộc danh mục Scopus/WoS được duy trì ổn định so với năm học trước.

V. HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐHCT bao gồm nhiều loại hình thiết thực và ý nghĩa, thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội và sự gắn kết với cộng đồng địa phương. Cụ thể, các hoạt động này bao gồm:

Trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng: Nhà trường thường xuyên tổ chức để người học của Trường tiếp cận các vấn đề thực tế của địa phương thông qua các học phần thực tập, thực tế qua đó có thể áp dụng những kiến thức từ Nhà trường góp phần giải quyết các vấn đề của cộng đồng. Ngoài ra, việc kết nối và lấy ý kiến của cộng đồng trong công tác mở ngành cũng góp phần xây dựng CTĐT của Nhà trường thiết thực, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

Tư vấn và hỗ trợ cộng đồng: Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp, giúp học sinh THPT có định hướng rõ ràng trong việc lựa chọn ngành học, nghề nghiệp. Đặc biệt, "Ngày hội tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp" thu hút sự tham gia của hàng ngàn học sinh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, Nhà trường tích cực tham gia góp ý các dự thảo văn bản luật, quy định của Nhà nước, của địa phương và cung cấp các hoạt động tư vấn pháp luật cho cộng đồng, giúp người dân nâng cao nhận thức về quyền lợi, nghĩa vụ và cách thức thực hiện các quy định pháp luật.

Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: Trường ĐHCT thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến trong các lĩnh vực như nông nghiệp, thủy sản, công nghệ thực phẩm, môi trường... Nhà trường tăng cường hợp tác với địa phương, doanh nghiệp để cùng phát triển ý tưởng khoa học công nghệ và hợp tác triển khai. Kết quả của các nghiên cứu này được chuyển giao cho doanh nghiệp, địa phương để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Hỗ trợ khởi nghiệp: Nhà trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ SV khởi nghiệp, kết nối với các doanh nghiệp và chuyên gia trong lĩnh vực khởi nghiệp. Các buổi hội thảo, tọa đàm về khởi nghiệp cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết cho SV và cộng đồng.

Hoạt động xã hội và tình nguyện: Trường ĐHCT tổ chức các hoạt động tình nguyện như "Mùa hè xanh", "Xuân tình nguyện", "Hiến máu nhân đạo" với sự tham gia của gần 10.000 lượt SV và viên chức Trường. Các hoạt động này góp phần hỗ trợ giải quyết các vấn đề của cộng đồng, xây dựng nông thôn mới, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường, và giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Chương trình "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn": Tổ chức các hoạt động chăm lo, hỗ trợ gia đình chính sách, thương binh, liệt sĩ, những người có công với cách mạng, nhằm tri ân và lan tỏa giá trị nhân văn trong cộng đồng. Những hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao nhận thức, phát triển kỹ năng và kiến thức cho VC-NLĐ, SV, và cộng đồng mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững cho toàn xã hội

Bên cạnh các hoạt động phục vụ cộng đồng bên ngoài, Trường ĐHCT cũng dành nhiều hoạt động chăm lo bồi dưỡng, phát triển cộng đồng bên trong thông qua tổ chức các hoạt động phục vụ người học như tiếp cận nguồn học liệu, hỗ trợ tư vấn sức khỏe, miễn giảm học phí, giao lưu học tập, rèn nghề trong và ngoài nước, tư vấn hỗ trợ việc làm,...với nhiều kết quả rất tích cực và ý nghĩa. Nhà trường cũng tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ VC-NLĐ của Trường.

Thông qua hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, Trường ĐHCT đã và đang thể hiện được vai trò, sứ mệnh và vị thế của Nhà trường ở vùng ĐBSCL và của cả nước.

VI. XÂY DỰNG TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ VC-NLĐ

6.1. Kết quả đạt được về xây dựng tổ chức, bộ máy và đội ngũ VC-NLĐ

6.1.1. Công tác tổ chức và nhân sự

Trong năm học 2024-2025, Trường triển khai nhiều nội dung công tác liên quan công tác tổ chức bộ máy và sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức, cụ thể như sau:

- Hoàn thành Đề án chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1531/QĐ-TTg ngày 15/7/2025 về việc chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ;

- Hoàn thành Đề án thành lập Phân hiệu Đại học Cần Thơ tại tỉnh Sóc Trăng, đã được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định thành lập. Sau khi tỉnh Sóc Trăng sáp nhập về TP. Cần Thơ, Trường đã báo cáo Bộ GD&ĐT về phương án khai thác, sử dụng cơ sở vật chất được tiếp nhận.

- Hoàn thiện Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Luật miền Nam vào Đại học Cần Thơ và gửi Bộ GD&ĐT, Bộ Tư pháp xem xét.

- Hoàn thành và gửi Bộ GD&ĐT Đề án nâng cấp Đại học Cần Thơ thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu và ứng dụng khoa học của TP. Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Thành lập Trường Sư phạm thuộc Đại học Cần Thơ trên cơ sở tổ chức lại Khoa Sư phạm; sáp nhập Khoa Giáo dục thể chất và Khoa Dự bị – Dân tộc vào Trường Sư phạm.

- Xây dựng và triển khai Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong Đại học Cần Thơ, được Đảng ủy và Hội đồng Trường phê duyệt; thực hiện hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại và đổi tên một số đơn vị. Đến nay, số đơn vị thuộc và trực thuộc Trường còn 42 đơn vị (giảm 9 đơn vị so với trước khi sắp xếp).

Thực hiện đầy đủ các quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và ban hành quyết định nhân sự cho 77 vị trí lãnh đạo cấp 2, cấp 3, trong đó 53 trường hợp bổ nhiệm lại do sắp xếp tổ chức và 24 trường hợp bổ nhiệm mới.

Ban hành nhiều quy định nội bộ về tổ chức và nhân sự, như: Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh giáo sư, phó giáo sư tại Trường Đại học Cần Thơ; Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ; Quyết định phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng; danh mục văn bản Hiệu trưởng giao quyền cho các phó hiệu trưởng ký thay, thủ trưởng các đơn vị thuộc trường ký thừa lệnh. Trình Hội đồng Trường ban hành Nghị quyết về Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ tiền thưởng trên cơ sở thành tích công tác định kỳ và đột xuất đối với viên chức, người lao động của Trường Đại học Cần Thơ.

Hoàn thành điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, phân bổ số lượng người làm việc theo chức danh nghề nghiệp, rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý, bầu bổ sung thành viên Hội đồng Trường và thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2021–2025. Ngoài ra, Trường đã triển khai định kỳ chuyển đổi vị trí công tác cho viên chức năm 2025.

6.1.2. Quản lý và phát triển đội ngũ viên chức, người lao động

Tính đến ngày 01/8/2025, Tổng số viên chức, người lao động của Trường là 1.885, giảm 04 người so với năm học 2023-2024. Trong đó, 1.532 người do Trường trả lương, gồm 1.372 viên chức và 160 lao động hợp đồng. Cơ cấu nhân sự gồm: 1.104 giảng viên, 18 giáo viên trung học phổ thông, 235 viên chức hành chính (trong đó có 24 nhân viên thư viện), 95 nhân viên phục vụ giảng dạy- nghiên cứu khoa học (có 28 trợ giảng) và 80 nhân viên phục vụ (nhân viên kỹ thuật, bảo vệ, lái xe, tạp vụ). Ngoài ra, có 358 lao động do các đơn vị tự chi trả từ hoạt động sản xuất, dịch vụ và chương trình, dự án.

Trong năm, đội ngũ giảng viên có tăng về số lượng 29 người; tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ 1,3%. Thực tế số lượng đội ngũ giảng viên không được tăng như kỳ vọng do số lượng tuyển dụng không đạt chỉ tiêu đã đề ra. Tuy nhiên, số lượng GS, PGS tăng 18 người là con số đúng mong đợi. Thông tin về đội ngũ viên chức, người lao động được trình bày chi tiết trong Phụ lục IV.

Trong năm học 2024 - 2025, Trường đã tuyển dụng 57 viên chức, gồm 11 tiến sĩ và 32 thạc sĩ cho vị trí giảng viên và 14 trợ giảng; có 02 trường hợp không nhận việc (vị trí giảng viên 01 người và vị trí trợ giảng 01 người). Ngoài ra, tiếp nhận 01 viên chức trình độ thạc sĩ do chuyển công tác.

Về công tác đào tạo, Trường đã cử 102 lượt viên chức, người lao động đi học tập nâng cao trình độ, gồm 76 lượt đào tạo tiến sĩ (45 trong nước, 31 ngoài nước, trong đó có 09 người thuộc Đề án 89) và 26 lượt đào tạo thạc sĩ (16 trong nước, 10 ngoài nước); đồng thời 07 viên chức đi nghiên cứu sau tiến sĩ ở nước ngoài. Trong năm, Trường đã tiếp nhận 14 viên chức tốt nghiệp thạc sĩ (9 trong nước, 5 ngoài nước) và 27 viên chức tốt nghiệp tiến sĩ (11 trong nước, 16 ngoài nước).

Tính đến nay, Trường có 276 viên chức, người lao động đang học tập, gồm 231 người học tiến sĩ (131 trong nước, 100 ngoài nước, trong đó 24 người thuộc Đề án 89) và 45 người học thạc sĩ (34 trong nước, 11 ngoài nước). Ngoài ra, Trường đã cử 1.700 lượt viên chức, người lao động tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, trao đổi học thuật trong và ngoài nước, bao gồm các nội dung về chức danh nghề nghiệp, lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển năng lực cá nhân. Các nội dung đào tạo, bồi dưỡng chi tiết được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2. Số lượt viên chức được đào tạo, bồi dưỡng

STT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Số lượng (người)
1.	Đào tạo trình độ Tiến sĩ	76
2.	Đào tạo trình độ Thạc sĩ	26
3.	Nghiên cứu sau Tiến sĩ	7
4.	Cao cấp Lý luận chính trị	5
5.	Quốc phòng – An ninh đối tượng 3	2
6.	Cán bộ quản lý cấp phòng	4
7.	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh Giảng viên đại học	38
8.	Tập huấn chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	816
9.	Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ khác	726
TỔNG		

6.1.3. Thực hiện chế độ chính sách

Trường thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với viên chức và người lao động theo quy định, cụ thể như sau:

Trường đã bổ nhiệm 04 chức danh Giáo sư và 22 chức danh Phó giáo sư; bổ nhiệm lại 14 chức danh Phó giáo sư vì đã được bổ nhiệm đủ 05 năm (15/01/2020); ban hành quyết định xếp bậc lương giảng viên cao cấp (hạng I) cho 04 nhà giáo được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, đồng thời hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ GD&ĐT đề nghị bổ nhiệm và xếp lương giảng viên cao cấp (hạng II) cho 22 nhà giáo được bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư.

Triển khai việc xét công nhận đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2025. Kết quả xét tại Hội đồng Giáo sư cơ sở có 07 nhà giáo đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư và 21 nhà giáo đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư.

Công tác nâng bậc lương trước hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2024 được thực hiện đúng quy định với 389 trường hợp, trong đó có 154 trường hợp nâng lương trước hạn, 365 trường hợp nâng lương thường xuyên và 747 trường hợp được hưởng phụ cấp thâm niên (trong đó có 17 trường hợp được hưởng kê khai lần đầu). Ngoài ra, 01 viên chức của Trường thuộc diện Bộ GD&ĐT quản lý được xem xét và ban hành quyết định nâng bậc lương thường xuyên.

Nhà trường đã giải quyết chế độ nghỉ hưu, nghỉ việc, chuyển công tác cho 35 trường hợp; kéo dài thời gian công tác cho 04 Phó Giáo sư; tạm hoãn hợp đồng đối với 12 trường hợp; thực hiện thủ tục kết thúc hợp đồng 04 trường hợp; nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khoẻ theo chế độ bảo hiểm xã hội cho 02 trường hợp, nghỉ ốm 01 trường hợp và

giải quyết nghỉ phép, nghỉ dưỡng cho 34 trường hợp (29 trường hợp đi nước ngoài, 05 trường hợp đi trong nước).

6.1.4. Khen thưởng - kỷ luật

a. Khen thưởng

Năm 2024, ĐHCT được Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá là đơn vị “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và tặng Bằng khen của Bộ trưởng trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”.

Bộ GD&ĐT cũng tặng Cờ thi đua cho Khoa Sau đại học do có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, dẫn đầu các khối thi đua năm 2024 và công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho 07 tập thể của Trường. Ngoài ra, có 02 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, 55 cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, 16 cá nhân nghỉ hưu được tặng Bằng khen Bộ trưởng, 01 cá nhân được công nhận là nhà giáo tiêu biểu. Trong năm, có 01 tập thể và 06 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, 01 cá nhân được tặng Huân chương Lao động hạng Ba và 01 cá nhân được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Trường có 552 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, 1.100 cá nhân Lao động tiên tiến, 40 tập thể Lao động tiên tiến; đồng thời vinh danh 1 cá nhân điển hình tiên tiến ngành giáo dục, 23 tập thể và 35 cá nhân điển hình tiên tiến giai đoạn 2020–2025, cùng 9 tập thể và 16 cá nhân tiêu biểu trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b. Kỷ luật và các xử lý khác

Trường thực hiện kỷ luật Khiển trách đối với 01 viên chức do vi phạm nghĩa vụ chung của viên chức, không tuân thủ quy trình quản lý, không về công tác sau khi được Trường thông báo. Đồng thời, nhắc nhở và phê bình 02 trường hợp đi nước ngoài chưa thực hiện đúng quy định của Trường.

Đánh giá chung

So với phương hướng được nêu ra, Trường đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trong công tác tổ chức và nhân sự, đặc biệt là hoàn thành Đề án và được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển thành Đại học Cần Thơ. Bên cạnh đó, Trường đã tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong từ 51 xuống còn 42 đơn vị cấp 2 với sự đồng thuận cao của các cấp quản lý và viên chức, người lao động trong Trường. Các văn bản nhân sự được ban hành đúng kế hoạch.

Tuy nhiên, một số nội dung còn chậm tiến độ, như ban hành chức năng, nhiệm vụ các đơn vị tham mưu giúp việc do đổi tên, tổ chức lại các đơn vị và do chờ sự công nhận chức vụ Giám đốc Đại học để văn bản khi được ký ban hành mang yếu tố lâu dài hơn. Việc xây dựng tiêu chuẩn, định mức đánh giá cá nhân, đơn vị (KPI) vẫn chưa có tiến triển do chủ trương, chính sách và văn bản quy định đối với viên chức, người lao động có nhiều thay đổi, chưa đủ là căn cứ để xây dựng quy định.

VII. CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

7.1. Đoàn vào

Trường đã đón tiếp 394 đoàn với 1.961 lượt khách quốc tế đến thăm, trao đổi nghiên cứu, làm việc, học tập và tìm kiếm cơ hội hợp tác, v.v. Tăng 109 lượt khách so với cùng kỳ năm 2023-2024 (1.852 lượt khách). Trong đó, đối với lưu học sinh (LHS), Trường tiếp nhận 655 LHS đến giao lưu, nghiên cứu và học tập tại trường (tăng 178 lượt LHS với cùng kỳ năm học trước). Số LHS đến học tập, nghiên cứu tại trường từ 01 tháng trở lên đạt 191 LHS (173 sinh viên và 18 nghiên cứu sinh), tăng 73 lượt LHS dài hạn so với cùng kỳ 2023-2024 (118 LHS).

Trong năm học 2024 - 2025, có gần 86% số lượt khách đến Trường với mục đích trao đổi học thuật, gần 8% các đối tác đến để thực hiện các dự án quốc tế, gần 6% khách đến tham dự Hội nghị, hội thảo. Đặc biệt, số lượng khách đến từ Nhật Bản vẫn giữ ở mức cao, thông qua các dự án các hợp tác, nghiên cứu, tăng cường kết nối doanh nghiệp... kể đến là Ấn Độ, Thái Lan, Hoa Kỳ, Úc, v.v...

7.2. Đoàn ra

7.2.1. Đối với đoàn ra là viên chức, người lao động

Trường đã cử và cho phép 436 lượt VC-NLĐ ra nước ngoài (tăng 97 lượt cán bộ ra so với năm 2023-2024) với các mục đích công tác, dự hội nghị, hội thảo, hoặc tham gia các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi chuyên môn, và các mục đích cá nhân khác. Trong đó, có 94 đoàn công tác với 142 lượt viên chức, người lao động sử dụng nguồn kinh phí do Trường quản lý; 187 lượt được phía mời hoặc đơn vị tổ chức sự kiện đài thọ; và 107 lượt đi theo hình thức tự túc kinh phí. Bên cạnh đó, Trường đã cử 53 lượt viên chức, người lao động đi đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và năng lực hội nhập quốc tế của Trường

7.2.2 Đối với đoàn ra là sinh viên, học viên

Trường đã cử 533 lượt người học tham gia các chương trình trao đổi ngắn hạn ở nước ngoài, tại 62 đối tác ở 16 quốc gia. Người học chủ yếu tham gia các chương trình trao đổi ngắn hạn dưới 3 tuần (chiếm 84,8%) và chỉ có 19 lượt người học tham gia chương trình trao đổi một hoặc hai học kỳ (chiếm 3,57%). Có 11/16 đơn vị đào tạo trong Trường có người học đi trao đổi từ 3 tuần trở lên (với tổng số 81/533 người học - chiếm 15,2%), 8/16 đơn vị có người học đi trao đổi từ 3 tháng trở lên (với tổng số 19/533 người học - chiếm 3,11%).

So với năm học 2023-2024, số lượng người học tham gia các hoạt động trao đổi ở nước ngoài tăng 15,87% (533/460), số lượng đối tác tiếp nhận cũng tăng 62/44 quốc gia và số quốc gia tăng 16/11 nước, trong đó quốc gia tiếp nhận nhiều nhất là: Thái Lan (229 SV), Đài Loan (135 SV), Nhật Bản (44 SV) và Indonesia (44 SV); các trường tiếp nhận nhiều nhất là: ĐH Kasetsart (83 SV), ĐH Quốc lập Trung ương - NCU (49 SV), ĐH Quốc lập Dương Minh Giao Thông - NYCU (41 SV), và ĐH Rangsit (37 SV). Chi tiết số lượng người học tham gia trao đổi từ ĐHCT xem trong Phụ lục V.

7.2.2. Đối với đoàn ra là viên chức, người lao động

Trường đã cử và cho phép 436 lượt VC-NLĐ ra nước ngoài (tăng 97 lượt cán bộ ra so với năm 2023-2024) với các mục đích công tác, dự hội nghị, hội thảo, hoặc tham gia các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi chuyên môn, và các mục đích cá nhân khác. Trong đó, có 94 đoàn công tác với 142 lượt viên chức, người lao động sử dụng nguồn kinh phí do Trường quản lý; 187 lượt được phía mời hoặc đơn vị tổ chức sự kiện

đài thọ; và 107 lượt đi theo hình thức tự túc kinh phí. Bên cạnh đó, Trường đã cử 53 lượt viên chức, người lao động đi đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và năng lực hội nhập quốc tế của Trường

7.3. Hội nghị, hội thảo quốc tế

Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức 08 hội nghị, hội thảo quốc tế với tổng cộng 2.031 đại biểu tham dự, gồm 157 khách quốc tế và 1.874 khách trong nước. So với năm học 2023–2024 (06 hội nghị, 1.592 đại biểu, trong đó có 123 khách quốc tế).

Nhìn chung, hoạt động hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức ngày càng chuyên nghiệp, đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế học thuật và quảng bá hình ảnh Trường ĐHCT trên trường quốc tế. Tuy nhiên, vẫn cần tăng cường công tác truyền thông trước và sau sự kiện, cũng như mở rộng chủ đề sang các lĩnh vực khoa học dữ liệu, công nghệ bán dẫn và kinh tế xanh để phù hợp với định hướng phát triển mới của Trường.

7.4. Quản lý Dự án quốc tế

7.4.1. Các dự án quốc tế

Trường tiếp nhận và triển khai 74 dự án hợp tác quốc tế mới, với tổng kinh phí cam kết hơn 101 tỷ đồng, tăng 28,6% so với năm học 2023–2024 (57 dự án, 78,5 tỷ đồng).

Các dự án tập trung vào 5 nhóm lĩnh vực chính: Nông nghiệp – Thủy sản bền vững và thích ứng BĐKH: 31 dự án, chiếm 41,9%; Công nghệ số và giáo dục thông minh: 15 dự án, chiếm 20,3%; Năng lượng tái tạo và vật liệu tiên tiến: 10 dự án, chiếm 13,5%; Phát triển cộng đồng và sinh kế xanh: 12 dự án, chiếm 16,2%; Y tế, an toàn thực phẩm và phúc lợi xã hội: 6 dự án, chiếm 8,1%. Các đối tác tài trợ chủ yếu đến từ Nhật Bản, EU, Úc, trong đó đáng chú ý có các chương trình Hợp tác Kỹ thuật JICA, Erasmus+,...

7.4.2 Dự án Hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 của Nhật Bản

Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Tăng cường liên kết và ứng dụng khoa học thúc đẩy phát triển bền vững Đồng bằng Sông Cửu long thích ứng với biến đổi khí hậu” với mục tiêu tổng quát nhằm tăng cường liên kết, chia sẻ cơ hội và thách thức giữa các chủ thể có liên quan (nhà nước, nhà khoa học, cộng đồng địa phương, công nghệ và doanh nghiệp) hướng đến phát triển bền vững vùng ĐBSCL, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và môi trường nhằm nâng cao khả năng thích ứng và khả năng chống chịu đối với biến đổi khí hậu. Thời gian triển khai dự án 5 năm (4/2022 – 3/2027). Tổng kinh phí là 2,6 triệu USD, gồm 3 hợp phần chính: (i) Hợp phần tăng cường liên kết và năng lực đào tạo; (ii) Hợp phần chuyển giao – liên kết, với 10 mô hình liên quan đến lĩnh vực 3 lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và môi trường; (iii) Hợp phần quản lý và khai thác dữ liệu lớn. Đây mô hình nghiên cứu về lĩnh vực môi trường cũng như mô hình trung tâm dữ liệu lớn hướng đến việc thu thập, lưu trữ, phân tích và chia sẻ các số liệu liên quan đến tài nguyên, môi trường vùng ĐBSCL.

Trên cơ sở nguồn nhân lực, phòng thí nghiệm, trang thiết bị được đầu tư mới từ Dự án Nâng cấp trường ĐHCT, dự án triển khai 12 các mô hình nghiên cứu phối hợp với các địa phương tại ĐBSCL như Kiên Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Long An, Bạc Liêu, Cần Thơ,... để triển khai các mô hình nghiên cứu.

Trong năm học 2024-2025, Dự án đã tiếp tục triển khai 03 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ liên quan đến biến đổi khí hậu và mở mới chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Kỹ thuật Nông nghiệp thông minh. Dự án đã tổ chức hội thảo đánh giá tiến độ của 12 mô hình vào ngày 4/7/2025 và được phía JICA đánh giá triển khai đúng tiến độ.

7.5. Ký kết biên bản ghi nhớ (MOU)

ĐHCT đã ký kết 30 văn bản thỏa thuận hợp tác (tăng 4 văn bản so với năm 2023–2024), trong đó 22 văn bản với đối tác nước ngoài (chiếm 73%). Cơ cấu theo khu vực: châu Á (73%), châu Âu (13%), châu Úc – Mỹ (14%). Các quốc gia ký kết nhiều nhất gồm Hàn Quốc (23%), Thái Lan (20%), và Nhật Bản (18%). Bên cạnh đó, Trường đã gia hạn 04 biên bản MOU quan trọng với các đối tác chiến lược (Princeton in Asia, Công ty Yanmar, Viện Công nghệ Osaka, Viện IRD – Pháp).

7.6. Chương trình Học phần Nhiệt đới

Trường đã tiếp nhận 107 sinh viên và 21 cán bộ quốc tế đến tham gia Chương trình Học phần Nhiệt đới. Sinh viên đến từ 4 quốc gia Hoa Kỳ, Úc, Vương quốc Anh và Nhật Bản theo học các khóa học về nông nghiệp thông minh, môi trường, biến đổi khí hậu, văn hóa xã hội vùng ĐBSCL (*Chi tiết xem trong Phụ lục V*). Mặc dù số lượng đoàn / đối tác Hoa Kỳ có tăng nhưng ngược lại không còn các đối tác Ấn Độ và Hàn Quốc vì các lý do khách quan. Chính vì vậy, so với năm học 2023-2024, số lượng đoàn (7 so với 10) và tổng số sinh viên (107 so với 175) đều giảm.

7.7. Hoạt động đào tạo quốc tế

Trung tâm Đào tạo Quốc tế được thành lập và chính thức đưa vào hoạt động từ tháng 3 năm 2025, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong công tác hội nhập giáo dục quốc tế của Đại học Cần Thơ. Với sự nỗ lực của Trung tâm và sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị đào tạo, hoạt động đào tạo quốc tế đã đạt được những kết quả bước đầu đáng ghi nhận.

Từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2025, Trường đã tiếp nhận 40 lưu học sinh quốc tế đến học tập theo hình thức trao đổi tín chỉ, đến từ Thái Lan, Cộng hòa Séc và Nhật Bản. Đồng thời, Trường đã cử 28 sinh viên tham gia chương trình học tập và trao đổi tín chỉ tại các viện, trường đại học đối tác quốc tế. Bên cạnh đó, Trung tâm đã chủ động phối hợp giới thiệu và triển khai nhiều chương trình học bổng quốc tế, góp phần mở rộng cơ hội học tập trong môi trường quốc tế và nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

Ngoài ra, Trung tâm Đào tạo Quốc tế đã tổ chức các buổi seminar học thuật do chuyên gia quốc tế trình bày, tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận tri thức toàn cầu, tăng cường giao lưu học thuật và hình thành môi trường học tập mang tính quốc tế trong Nhà trường. Những kết quả đạt được trong giai đoạn đầu hoạt động của Trung tâm là tiền đề quan trọng để Trường tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo quốc tế trong các năm học tiếp theo.

7.8. Các hoạt động khác

Xây dựng đề xuất dự án phòng thí nghiệm bán dẫn cấp cơ sở theo Chương trình 1017: Thực hiện Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, ĐHCT đã xây dựng đề xuất Dự án Phòng thí nghiệm Bán dẫn cấp cơ sở với tổng kinh phí đầu tư đề xuất 110 tỷ đồng. Dự án nhằm hình thành cơ sở nghiên cứu – đào tạo – chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thiết kế, kiểm thử và vật liệu bán dẫn, phục vụ phát triển nguồn

nhân lực chất lượng cao cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Đến nay, Nhà trường đã hoàn thiện hồ sơ đề xuất và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt.

Hợp tác doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài: Trường đã ký kết với Tập đoàn AEON và Công ty Takesho Food & Ingredients Inc. (Nhật Bản); ký kết hợp tác chiến lược với Tập đoàn CT Group, trong đó ưu tiên các lĩnh vực chuyển giao công nghệ, hỗ trợ thực hành sinh viên, học bổng cho sinh viên, các dự án hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược. Ngoài ra, Nhà trường cũng mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp Nhật Bản thông qua JETRO, và thiết lập mối quan hệ với các tập đoàn công nghệ, năng lượng và nông nghiệp thông minh tại Thái Lan, Hàn Quốc và châu Âu. Những hoạt động này góp phần tăng cường gắn kết giữa đào tạo – nghiên cứu – doanh nghiệp, đồng thời mở ra cơ hội thực tập, việc làm và chuyển giao công nghệ cho sinh viên, giảng viên và các nhóm nghiên cứu của Trường.

Thu hút chuyên gia, tình nguyện viên: Nhà trường đã xây dựng và triển khai quy trình tiếp nhận, quản lý người nước ngoài đến làm việc tại Trường, bao gồm các chuyên gia, tình nguyện viên và giảng viên theo chương trình hợp tác quốc tế. Trong năm, Trường đã đón tiếp nhiều chuyên gia, tình nguyện viên đến từ Nhật Bản, Hoa Kỳ, Úc và châu Âu, tham gia giảng dạy các học phần; đồng thời tổ chức hội thảo, seminar học thuật và hỗ trợ phát triển các chương trình đào tạo.

Đánh giá chung

Hoạt động hợp tác quốc tế và quản lý dự án năm học 2024–2025 đạt nhiều kết quả nổi bật, thể hiện qua sự gia tăng số lượng đoàn vào – đoàn ra, số dự án quốc tế, các MOU được ký kết và mở rộng hợp tác với các đối tác uy tín toàn cầu. Các hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy, mà còn thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện trong mọi lĩnh vực hoạt động của Trường. Tuy nhiên, một số dự án còn chậm tiến độ do thủ tục giải ngân và khác biệt về cơ chế quản lý tài chính; do đó, Trường cần tiếp tục hoàn thiện quy trình nội bộ, tăng cường nhân lực chuyên trách và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý hợp tác quốc tế.

VIII. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ

8.1. Xây dựng cơ bản

Trường đã báo cáo và đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2025 từ nguồn vốn thu hợp pháp của Trường; đồng thời hoàn thành việc lập Báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030, rà soát nội dung kế hoạch trung hạn và xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2026.

Các dự án đầu tư được triển khai theo tiến độ kế hoạch, cụ thể: Cải tạo mặt ngoài Nhà điều hành (dự kiến thi công từ tháng 9/2025 và hoàn thành tháng 12/2025); Cải tạo Hàng rào, Nhà bảo vệ khu II (dự kiến thi công từ tháng 9/2025 và hoàn thành tháng 12/2025); Cải tạo nhà học 4T2 (dự kiến hoàn thành quý 1 năm 2026); Trường THPT Thực hành sư phạm (dự kiến hoàn thành quý 2 năm 2026); Khối Nhà học và thí nghiệm Trường Bách Khoa (đang trình Sở Xây dựng thẩm định Dự án).

Trường đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu II. Do có sự thay đổi trong quy định pháp luật liên quan, nên đến nay công tác điều chỉnh quy hoạch vẫn đang được tiếp tục hoàn thiện.

8.2. Công tác Quản trị

Đã hoàn thành việc tiếp nhận cơ sở vật chất tại Sóc Trăng, đầu tư trang bị và đưa cơ sở vào phục vụ đào tạo từ năm học 2025-2026. Tiếp tục thực hiện các thủ tục và chuẩn bị tiếp nhận cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Luật Miền Nam.

Trường đã hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng 49 hạng mục công trình với tổng kinh phí thanh toán là 13,547 tỷ đồng đáp ứng tiến độ theo kế hoạch được phê duyệt (Chi tiết các công trình được ghi nhận trong Phụ lục VI). Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, thông tin, Internet, phòng cháy chữa cháy, chống sét...) được duy tu, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo vận hành an toàn.

Nhà trường tiếp tục tăng cường chăm sóc, cải tạo, trồng mới hệ thống cây xanh, thảm cỏ và hệ thống thoát nước, đảm bảo mỹ quan, vệ sinh môi trường xanh-sạch-đẹp trong khuôn viên Trường. Ngoài việc trang bị bàn ghế và các trang thiết bị cần thiết cho các phòng học để tổ chức giảng dạy tại Cơ sở Sóc Trăng, Trường đã thực hiện cải tạo, đưa vào sử dụng thêm 05 phòng học ở Khu III, 04 phòng học tại Khu II (Nhà học D1). Thực hiện vệ sinh định kỳ trang thiết bị và sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hỏng các nhà học dùng chung đảm bảo cho việc giảng dạy.

8.3. Công tác Thiết bị

Trường đã hoàn thành công tác tổng kiểm kê tài sản công năm 2025 theo quy định tại Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời triển khai điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, được Bộ Giáo dục và Đào tạo ủy quyền ban hành quyết định thực hiện.

Trường đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các kế hoạch và báo cáo theo quy định, với 20 báo cáo trong năm (14 gửi Bộ GD&ĐT và 6 gửi các cơ quan khác). Trường cũng thường xuyên báo cáo, cập nhật, chuẩn hóa số liệu về tài sản công trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Công tác quản lý, cập nhật và kiểm kê tài sản công được thực hiện thường xuyên, đảm bảo đúng quy định.

Về mua sắm và đầu tư trang thiết bị, Trường đã triển khai 77 hạng mục từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và dịch vụ đào tạo chính quy với tổng kinh phí 17,38 tỷ đồng, cùng 98 hạng mục khác từ các nguồn kinh phí, chương trình, dự án và đề tài NCKH với tổng giá trị 29,11 tỷ đồng (Chi tiết các hạng mục được thông tin đầy đủ trong Phụ lục VI).

Trường đã và đang triển khai tiếp nhận hạng mục “Đầu tư phòng thí nghiệm ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường biển nhằm phòng, chống xâm nhập mặn và hạn hán cho Trường Đại học Cần Thơ” thuộc Dự án “Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung khu vực Bắc, Trung, Nam (giai đoạn 2)” do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì. Bên cạnh đó, Trường cũng tiếp nhận một số tài trợ hiện vật từ các tổ chức và cá nhân bên ngoài, gồm hệ thống lạnh Hội trường Rùa, 01 xe tải Hino phục vụ đào tạo và nghiên cứu, cùng 01 sân bóng chuyên phục vụ rèn luyện thể chất cho sinh viên, với tổng giá trị hơn 5 tỷ đồng.

Đánh giá chung

Trường đã thực hiện tốt công tác mua sắm, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị trong phạm vi nguồn kinh phí, tập trung đầu tư cho giảng dạy, thực hành, thực tập và nâng cấp các nhà học, phòng thí nghiệm phục vụ đánh giá chương trình đào tạo. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả và đúng quy định. Từ các nguồn vốn tự bổ sung, chương trình, dự án và tài trợ, Trường đã bổ sung, thay thế thiết bị cần thiết cho công tác đào tạo. Dù một số hạng mục dự án lớn triển khai chậm so với kế hoạch, nhưng đã có tiến triển tích cực; đồng thời,

Trường cũng hỗ trợ tốt các chủ nhiệm đề tài trong việc mua sắm phục vụ nghiên cứu khoa học.

IX. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH VÀ SẢN XUẤT DỊCH VỤ

9.1. Công tác tài chính

Kinh phí nguồn cải cách tiền lương năm 2023 chuyển sang 35,4 tỷ đồng.

Tổng thu quyết toán trong năm đạt 1117,1 tỷ đồng (tăng 19,8%), trong đó NSNN 130,6 tỷ đồng (tăng 23,0%), nguồn thu sự nghiệp 978,7 tỷ đồng (tăng 21,2%). Cụ thể:

*Nguồn NSNN cấp

- Kinh phí NSNN cấp miễn giảm học phí, kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí và sinh hoạt phí sư phạm (theo Nghị định 116) là 80,4 tỷ đồng. Quyết toán hết trong năm.

- Kinh phí cấp NCKH và đề án Ngoại ngữ quốc gia, không có dự toán đầu năm do không biết kế hoạch phân giao của Bộ GD&ĐT. NSNN cấp trong năm là 21,5 tỷ đồng (NCKH 10,2 tỷ đồng, đề án Ngoại ngữ là 11,2 tỷ đồng). *Đã giải ngân hết.*

- Dự án ODA, do thủ tục xin phê duyệt vốn kết dư chậm hơn kế hoạch. NSNN cấp 28,6 tỷ đồng, giải ngân ODA 100%. Giải ngân vốn viện trợ 7,7 tỷ đồng.

*Nguồn thu sự nghiệp

- Dự toán thu sự nghiệp là 743,7 tỷ đồng (học phí 673,7 tỷ đồng, sự nghiệp khác 70,0 tỷ đồng). Thực hiện trong năm thu sự nghiệp đạt 978,7 tỷ đồng, tăng 21,2% so với năm trước, trong đó: học phí 815,8 tỷ đồng, tăng 27,1% do học phí tăng ở học kỳ 1 (theo Nghị định 97/2023/NĐ-CP); thu sự nghiệp khác 162,9 tỷ đồng, giảm 1,6%).

Bảng 3: Tổng hợp thực hiện quyết toán tài chính năm 2024

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Quyết toán 2023	Kế hoạch 2024	Quyết toán 2024	So sánh (±%)	
				QT2024/ KH2024	QT2024/ QT2023
<i>Nguồn kỳ trước chuyển sang</i>	35.389		35.389		
A. Thu trong kỳ	932.660	835.700	1.117.071	33,7	19,8
a.NSNN cấp không TX	106.180	92.000	130.606	42,0	23,0
b.Nguồn ODA và viện trợ	18.912		7.752		-59,0
c.Nguồn sự nghiệp để lại	807.568	743.700	978.713	31,6	21,2
+ Học phí ĐH chính quy	514.076	562.000	644.999	14,8	25,5
+ Học phí sau đại học	47.744	48.000	50.292	4,8	5,3
+ Học phí hệ VHVL	29.227	25.000	35.084	40,3	20,0
+ Học phí hệ đào tạo từ xa	42.416	30.000	77.076	156,9	81,7
+ Học phí THPT	8.600	8.700	8.400	-3,4	-2,3
+ Sự nghiệp khác	165.505	70.000	162.862	132,7	-1,6
B. Chi trong kỳ	727.455	773.345	803.048	3,8	10,4

Chỉ tiêu	Quyết toán 2023	Kế hoạch 2024	Quyết toán 2024	So sánh ($\pm\%$)	
				QT2024/ KH2024	QT2024/ QT2023
1.Nhóm chi cho cá nhân	294.240	345.391	348.932	1,0	18,6
2.Nhóm chi chuyên môn	348.534	323.675	335.998	3,8	-3,6
3.Nhóm chi khác	36.394	93.710	84.888	-9,4	133,2
4.Nhóm chi đầu tư	48.287	10.569	33.230	214,4	-31,2
C. Cân bằng thu chi (A-B)	205.205	62.355	314.023	403,6	53,0
<i>Nguồn chuyển sang kỳ sau</i>	<i>35.389</i>		<i>50.389</i>		

Tổng chi thực hiện hoạt động 803,0 tỷ đồng tăng 10,4% so với 2023, cụ thể:

- Nhóm chi cho cá nhân: 348,9 tỷ đồng (tăng 18,6%), do mức lương cơ sở tăng từ 1,8 lên 2,34 triệu đồng/tháng, tăng thu nhập tăng thêm theo Quy chế CTNB năm 2024.

- Nhóm chi chuyên môn: 336,0 tỷ đồng (giảm 3,6%).

- Nhóm chi khác: 84,9 tỷ đồng (tăng 133,2%), trong đó thực hiện chi sinh hoạt phí sinh viên sư phạm theo Nghị định 116 của sinh viên khóa 47 còn tồn lại (338 sinh viên) do ngân sách của Bộ GD&ĐT cấp bù (44 tỷ đồng) tỉnh Vĩnh Long không đặt hàng và tỉnh Long An chỉ đặt hàng có 11 sinh viên của tỉnh.

- Nhóm chi đầu tư: 33,2 tỷ đồng (giảm 31,2%), chủ yếu là chi trả gói thiết bị dự án ODA còn lại 28,6 tỷ đồng, còn lại là mua sắm trang thiết bị và sửa chữa cơ sở vật chất.

Kinh phí nguồn cải cách tiền lương chuyển sang năm sau 50,4 tỷ đồng.

Phân chênh lệch thu chi, thực hiện trích lập các quỹ là 247,9 tỷ đồng và chi từ các nguồn quỹ là 152,6 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Bảng 4: Tình hình tăng giảm nguồn quỹ trong năm 2024

DVT: triệu đồng

Nguồn quỹ	Dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Dư cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.027	1.007	890	3.144
Quỹ phúc lợi	11.383	10.000	4.403	16.980
Quỹ ổn định thu nhập	41.206	115.000	110.338	45.868
Quỹ phát triển sự nghiệp	356.051	121.850	36.933	440.967
Tổng cộng	422.510	247.857	152.565	517.801

9.2. Hoạt động sản xuất dịch vụ

Các đơn vị sản xuất – dịch vụ trực thuộc tự chủ tài chính, hoạt động với nhiều lĩnh vực như: đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ các lĩnh vực điện tử, tin học, công nghệ, tư vấn xây dựng, chuyển giao công nghệ, nông nghiệp, thủy sản, dạy nghề,... Các đơn vị này có tài khoản và con dấu riêng, có đăng ký mã số thuế nên thuận lợi cho các hoạt động theo quy định của Nhà nước.

Do đơn vị hoạt động độc lập nên không đưa vào dự toán của Trường vào đầu năm, Trường chỉ tổng hợp vào báo cáo quyết toán tài chính năm theo quy định.

Bảng 5: Kết quả hoạt động tài chính các đơn vị thuộc Trường, năm 2024

ĐVT: triệu đồng

TT	Đơn vị sản xuất – dịch vụ	Doanh thu	Chi phí	Thuế TNDN	Thặng dư
1	TT. Nghiên Cứu và Ứng dụng Công Nghệ	2.365,0	2.235,0	26,0	104,0
2	TT. Kiểm định và Tư vấn XD	336,0	408,0		-72,0
3	TT. Ngoại ngữ	14.855,0	11.205,0	339,0	3.311,0
4	TT. Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ	1.562,0	1.261,0	82,0	219,0
5	TT. Điện tử và Tin học	11.145,0	7.620,0	229,0	3.296,0
6	TT. Đào tạo, nghiên cứu và Tư vấn kinh tế	2.964,0	2.541,0	67,0	356,0
7	TT. Liên kết đào tạo (phần dịch vụ)	494,0	454,0	9,0	31,0
8	TT. Công nghệ Phần mềm	38.598,0	23.529,0	809,0	14.260,0
9	TT. Dịch vụ Khoa học Nông nghiệp	10.419,0	10.124,0	59,0	236,0
10	TT. Điện - điện tử	2.669,0	2.598,0	14,0	57,0
11	Nhà xuất Bản ĐHCT	5.506,0	4.010,0	213,0	1.282,0
12	TT Giáo dục QP và AN	7.037,0	2.836,0	140,0	4.061,0
13a	Công ty TNHH MTV KHCN (BP kinh doanh)	27.917,0	27.908,0	1,7	7,3
	Tổng	125.867,0	96.729,0	1.988,7	27.148,3
13b	Công ty TNHH MTV KHCN (Dự án đất ở GV)	799,0	4.912,0		-4.113,0
	Tổng cộng	125.867,0	96.729,0	1.988,7	27.149,3

Trường đã tổ chức Hội nghị báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất – dịch vụ năm 2024 và kế hoạch năm 2025 vào ngày 19/02/2025. Kết quả hoạt động của các đơn vị ổn định (doanh thu tăng nhẹ 2,1%). Riêng bộ phận Dự án đất ở của giáo viên Trường, nguồn kinh phí do thầy cô đóng góp thực hiện, trong năm 2023 ghi nhận trên sổ sách số thu ít hơn số chi là 151 triệu đồng.

9.3. Kiểm tra, kiểm toán và quyết toán tài chính năm 2024

Kiểm toán nội bộ, Trường đã thành lập Tổ kiểm toán nội bộ Trường ĐHCT (theo Quyết định số 1447/QĐ-ĐHCT ngày 11/05/2022). Tổ kiểm toán trình kế hoạch kiểm tra ngày 30/10/2024 được Hiệu trưởng phê duyệt. Tổ kiểm toán nội bộ năm 2024 đã thực hiện kiểm tra và báo cáo số 01/BC-KTr ngày 18/4/2025 gửi đến Hiệu trưởng và Văn phòng Hội đồng trường.

Kiểm toán độc lập, Trường đã triển khai thực hiện kiểm toán độc lập đợt 1 vào tháng 10/2024 và đợt 2 vào tháng 5/2025. Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập về tài chính năm 2024 đã gửi đến Hiệu trưởng và Chủ tịch Hội đồng trường

Kiểm toán Nhà nước, Đoàn kiểm toán nhà nước kiểm tra từ ngày 04/6/2025 đến ngày 29/6/2025 về tài sản công và tài chính công, đoàn kiểm toán còn đang dự thảo biên bản tại Bộ GD&ĐT, chưa có bản chính thức.

Kiểm tra quyết toán tài chính của Bộ Giáo dục và đào tạo, Trường đã gửi báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán năm 2024 đến Bộ GD&ĐT đúng thời hạn quy định. Vụ Kế hoạch - Tài chính đã kiểm tra xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 tại Trường ĐHCT, từ ngày 3/7/2025 đến 5/7/2025, chưa có thông báo kết quả xét duyệt chính thức.

X. CÔNG TÁC THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

10.1. Hoạt động thông tin, thư viện

Năm học qua, hệ thống thư viện ĐHCT tiếp tục cải tiến trong các hoạt động để thu hút người học đến học tập và nghiên cứu. Trong năm học, có 355.366 lượt bạn đọc, tăng 60.976 lượt; 23.759 lượt mượn tài liệu in; 158.163 lượt xem tài liệu số nội sinh; 1.238.239 lượt khai thác và sử dụng CSDL mua quyền truy cập.

Hoạt động phát triển nguồn tài nguyên thông tin được thực hiện theo kế hoạch chiến lược, nhằm hỗ trợ hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường: đào tạo, nghiên cứu khoa học và kiểm định chất lượng. Trong năm 2024-2025, Thư viện đặc biệt chú trọng bổ sung sách điện tử sở hữu vĩnh viễn để phát triển nguồn học liệu số bền vững, với số lượng 2.068 tài liệu.

Thư viện tiếp tục mở rộng và duy trì hiệu quả các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước. Cụ thể, Thư viện tham gia kết nối với Trung tâm Tri thức số với 88 thư viện thành viên; thiết lập hợp tác chia sẻ nguồn tài liệu nội sinh với 28 thư viện đại học và cao đẳng trong nước; tiếp nhận tài liệu tài trợ từ các tổ chức uy tín quốc tế để hỗ trợ người dùng khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên tập chí điện tử.

Công tác bổ sung, rà soát và cập nhật nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học được thực hiện theo đề cương chi tiết của 108 chương trình đại học, 59 chương trình thạc sĩ và 21 chương trình tiến sĩ, đồng thời hoàn thiện học liệu cho 14 ngành mới và các chương trình kiểm định chất lượng (06 chương trình Bộ GD&ĐT, 12 chương trình AUN). Thư viện cũng rà soát học liệu phục vụ 797 học phần trực tuyến và 13 chương trình đào tạo từ xa, đáp ứng nhu cầu học tập trong môi trường số. Ngaoif ra, với sự tài trợ của Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ, Thư viện cũng tổ chức 13 buổi sinh hoạt đọc sách, xem phim và giao lưu với diễn giả, thu hút 1.007 sinh viên tham gia.

10.2. Hoạt động chuyển đổi số và truyền thông

Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số: Hạ tầng mạng và Trung tâm dữ liệu Trường tiếp tục được nâng cấp, mở rộng và vận hành an toàn, ổn định, không xảy ra sự cố lớn, kéo dài, đảm bảo hoạt động 24/7. Thông tin, dữ liệu Trường được đảm bảo an toàn và sao lưu định kỳ theo qui định. Trường đã ngăn chặn kịp thời các cuộc tấn công, các luồng thông tin xấu độc và virus phát tán trên hệ thống mạng Trường.

Chuyển đổi số hoạt động quản trị Nhà trường: Phần mềm quản lý tích hợp và app MyCTU tiếp tục được nâng cấp và mở rộng, đặc biệt đã nâng cấp phân hệ Đăng ký môn học giúp rút ngắn được thời gian đăng ký môn học của sinh viên mỗi học kỳ từ 3 tuần xuống 1 tuần và giải quyết triệt để vấn đề quá tải phần mềm khi sinh viên đăng ký môn

học. Năm học 2024-2025, hệ thống văn phòng điện tử Eoffice hoạt động ổn định, đã luân chuyển 55,937 lượt văn bản, trong năm học Trường đã tổ chức 161 buổi họp, hội thảo, hội nghị trực tuyến. Phần mềm quản lý tích với 29 phân hệ, cùng với ứng dụng di động MyCTU và hệ thống eoffice đã giúp phần lớn các hoạt động quản lý, điều hành nhà Trường được thực hiện trên môi Trường mạng, nhất là các qui trình liên quan đến giảng viên và sinh viên, hiện 65% qui trình nội bộ của Trường được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng. Trường đã chuyển đổi số gần như toàn bộ qui trình tuyển sinh và thu nhận hồ sơ sinh viên; hệ thống đăng ký thi VS-T, xét t_uyển trực t_uyển năm 2025 và th_u nhận hồ sơ tân sinh viên của Trường đã phục vụ việc đăng ký thi và xét tuyển của hơn 40,000 thí sinh.

Chuyển đổi số hoạt động đào tạo: Phần mềm quản lý dạy, học và thi trực tuyến của Trường (LMS) được duy trì hoạt động ổn định, tiếp tục nâng cấp và cải tiến: HK1, 2024-2025 số học phần tổ chức dạy và th_u trên t_uyển tương ứng là 366 và 139; HK2, 2024-2025 là 665 và 217; HK3, 2024-2025 là 535 và 208; ngoài ra còn có khoảng 250 học phần sử dụng hệ thống học trực tuyến của Google là Classroom. Mỗi học kỳ Trường mua và cấp 250 gói nâng cấp của Google Meet cho giảng viên giảng dạy các học phần trực tuyến (học phần E), việc triển khai các học phần E đã được triển khai kết hợp 02 hình thức trực tuyến trực tiếp qua Google Meet và tổ chức các hoạt động học tập trực tuyến qua hệ thống LMS. Trong năm, Trường đã mở 07 khóa tập huấn “Thiết kế và xây dựng lớp học trực tuyến dựa trên LMS” cho khoảng 224 giảng viên; đã tổ chức buổi báo cáo chuyên đề về “Giáo dục đại học trong kỷ nguyên AI” cho tất cả VC-NLĐ Trường. Trường đã hoàn thành việc xây dựng học phần “Năng lực số” theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT và đưa vào giảng dạy từ học kỳ 1 năm học 2025-2026.

Truyền thông trên mạng: Trường đã đăng 205 bài viết trên website tiếng Việt; 52 bài viết trên trang tiếng Anh; 592 bài trên mạng xã hội Trường. Trực quan hóa các sự kiện, tin tức thông qua xây dựng 22 bản tin video, 4 video báo cáo quý, năm học, 54 video ngắn; 6 infographics; 11 bộ ảnh; 8 newsletters; 34 buổi livestream. Tổ chức tập huấn cho 24 viên chức và sinh viên phụ trách truyền thông về “kỹ năng viết bài đăng trên cổng thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội”; tập huấn cho 535 sinh viên là cán bộ đoàn, hội về kỹ năng chụp ảnh, thiết kế, quay dựng cơ bản.

Thực hiện chủ chương của Đảng, Nhà nước và các Bộ, ngành, trong năm học qua Nhà trường còn triển khai (1) sinh viên tình nguyện tham gia triển khai phong trào bình dân học vụ số tại các địa phương (2) chương trình nhận diện số với tên miền ID.VN và học bổng nhân tài số cho sinh viên.

XI. Công pháp chế, quy định nội bộ và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Công tác thanh tra, kiểm tra: Trường tổ chức tốt công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Nhà trường. Trong năm học 2024 - 2025, Trường đã thực hiện hơn 80 cuộc thanh tra, kiểm tra nội bộ theo kế hoạch và theo yêu cầu của Nhà trường; 06 cuộc kiểm tra chuyên đề. Nhìn chung, việc kiểm tra, thanh tra nội bộ đã góp phần giúp công tác quản lý của Nhà trường hiệu quả hơn, đi vào nề nếp, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Trường cũng thực hiện tốt công khai thông tin tiếp công dân và triển khai hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công tác tiếp công dân được duy trì thường xuyên. Trong năm, Trường tiếp nhận 01 phản ánh, kiến

ngợi. Các phản ánh đã được giải quyết theo đúng quy định và xác minh theo thẩm quyền và đã giải quyết đúng quy định, không phát sinh khiếu nại tiếp theo.

Thực hiện phân công của Bộ GD&ĐT, Trường đã phối hợp tốt và cử 60 viên chức tham gia công tác kiểm tra Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 tại tỉnh An Giang và 02 viên chức tham gia kiểm tra chấm thi tại thành phố Hồ Chí Minh.

Công tác pháp chế: Trong năm học 2024–2025, Trường tăng cường tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nội quy, quy chế đến viên chức, người lao động và người học thông qua hội nghị, họp giao ban, trang thông tin điện tử và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể. Nhà trường tổ chức nhiều hội nghị, buổi tuyên truyền pháp luật, đồng thời đưa nội dung giáo dục pháp luật, phòng chống tham nhũng vào giảng dạy học phần Pháp luật đại cương cho tất cả các ngành học. Trường thường xuyên rà soát, cập nhật, ban hành và công khai các quy định nội bộ phù hợp với pháp luật hiện hành, góp ý các dự thảo văn bản của Nhà nước, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và xây dựng môi trường làm việc tuân thủ pháp luật.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở: Trường thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch và phát huy quyền làm chủ của viên chức, người lao động và người học. Các nội dung liên quan đến quy hoạch, tuyển dụng, tài chính, đào tạo, thi đua – khen thưởng và chế độ chính sách được công khai trên cổng thông tin điện tử, bảng tin và tại các hội nghị của đơn vị. Trường duy trì hội nghị viên chức – người lao động, họp giao ban và tiếp công dân, qua đó tiếp nhận và xử lý kịp thời các kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định.

Trường đã ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện Quy chế dân chủ năm học 2024–2025, tổ chức 100% hội nghị viên chức – người lao động tại các đơn vị, công khai dự toán, quyết toán ngân sách, công tác thi đua – khen thưởng, và quy trình bổ nhiệm, tuyển dụng. Trong năm, không phát sinh đơn thư, khiếu nại vượt cấp, môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết, minh bạch được giữ vững, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo sự đồng thuận trong toàn Trường.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2025-2026

I. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng: Tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành giáo dục cho VC-NLĐ, SV và HV.

Đẩy mạnh tuyên truyền và giáo dục đạo đức, lối sống: Duy trì tốt các hoạt động tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm lớn của dân tộc. Triển khai các hội thi giáo dục đạo đức và lối sống trong SV, như: “Hội thi Olympic các môn khoa học chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh”, “Hội thi Tuyên truyền An toàn giao thông, phòng, chống ma túy, HIV/AIDS”. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật Nhà nước, phòng chống ma túy và các tệ nạn trong Trường.

Duy trì và phát triển phong trào văn hóa – thể thao: Tiếp tục thực hiện các phong trào: “Nếp sống văn minh, trường xanh – sạch – đẹp”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Thi đua dạy tốt, học tốt”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng cho SV noi theo”,...

Tổ chức hoạt động văn nghệ – giao lưu – phục vụ cộng đồng: Duy trì các hoạt động văn nghệ phục vụ VC-NLĐ, SV và HV: Sân chơi cuối tuần, Câu lạc bộ Đờn ca Tài tử, hội thi, hội diễn văn nghệ truyền thống. Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Trường tổ chức các chương trình văn nghệ phục vụ các sự kiện lớn, giao lưu, và phục vụ cộng đồng. Tăng cường các chương trình giao lưu văn nghệ với các đơn vị kết nghĩa và đoàn nghệ thuật SV – thanh niên trong và ngoài khu vực.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO – ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

2.1 Công tác đào tạo

Công tác tuyển sinh: Tổ chức hiệu quả công tác tuyển sinh, phân đầu tỷ lệ tuyển sinh các trình độ và hình thức đào tạo đạt 90% chỉ tiêu được phê duyệt [Nghị quyết Đại hội Đảng bộ ĐHCT nhiệm kỳ 2025–2030]. Đa dạng hóa phương thức quảng bá, tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh, mở rộng đối tượng người học trong và ngoài nước, tăng cường thu hút người học quốc tế.

Phát triển chương trình và mở ngành đào tạo: Rà soát, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, xu hướng thị trường lao động và yêu cầu chuyển đổi số. Mở ngành, chuyên ngành mới phù hợp chiến lược phát triển vùng và hội nhập quốc tế, ưu tiên phát triển các ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, năng lượng xanh, trí tuệ nhân tạo và phát triển bền vững, theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và gắn với Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050” (Quyết định số 1017/QĐ-TTg).

Tổ chức đào tạo: Tổ chức đào tạo theo hướng linh hoạt, hiện đại và số hóa; triển khai hiệu quả kế hoạch giảng dạy và học tập theo 3 học kỳ chính, bảo đảm chất lượng và tiến độ. Đổi mới phương pháp dạy – học và đánh giá người học theo chuẩn đầu ra; phân đầu tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn đạt 80%, không có ngành hoặc trình độ nào có tỷ lệ dưới 60%. Chuẩn hóa quy trình tổ chức học và thi trực tuyến, bảo đảm kiểm định chất lượng, an toàn và minh bạch; đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy và học thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và nền tảng học tập thông minh; phát triển học liệu số, thư viện số, lớp học ảo và công cụ tương tác nhằm nâng cao trải nghiệm và năng lực học tập của người học.

Chuẩn hóa quy trình tổ chức học và thi trực tuyến, bảo đảm kiểm định chất lượng, an toàn và minh bạch; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy và học thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và nền tảng học tập thông minh; phát triển học liệu số, thư viện số, lớp học ảo và công cụ tương tác nhằm nâng cao trải nghiệm người học.

Liên kết và hội nhập đào tạo quốc tế: Đẩy mạnh liên kết đào tạo trong và ngoài nước, phát triển các chương trình quốc tế (giảng dạy bằng tiếng Anh, double degree, trao đổi tín chỉ, 2+2) nhằm tăng cường hội nhập và khẳng định thương hiệu Trường.

2.2. Công tác đảm bảo chất lượng

Hoàn thiện và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong: Rà soát, cập nhật, chuẩn hóa các quy định, hướng dẫn và công cụ phục vụ công tác BDCL, đáp ứng yêu cầu quản lý và cải tiến chất lượng trong toàn Trường; thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng nhiệm kỳ 2026 - 2030; phát huy vai trò của Hội đồng và các Tổ đảm bảo chất

lượng tại các đơn vị; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo: Thực hiện tốt việc lưu trữ hồ sơ, minh chứng liên quan đến các điều kiện BDCL, đảm bảo đầy đủ minh chứng phục vụ kiểm định và đánh giá định kỳ.

Cải tiến chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra: Rà soát, hoàn thiện chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra các trình độ, đảm bảo phù hợp với nhu cầu xã hội, trình độ quốc gia và định hướng phát triển của Trường; triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng, đánh giá giữa chu kỳ và theo dõi hiệu quả thực hiện của các chương trình đào tạo.

Phát triển đội ngũ và xây dựng văn hóa chất lượng: Nâng cao nhận thức và năng lực của đội ngũ viên chức làm công tác đảm bảo chất lượng; tổ chức các hội

Tăng cường công tác giám sát, khảo sát và phản hồi từ các bên liên quan: Triển khai các khảo sát người học, thu thập ý kiến góp ý của bên liên quan phục vụ cải tiến chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục; cải thiện hệ thống khảo sát trực tuyến, mở rộng nội dung và đối tượng khảo sát phù hợp với quy định và hướng dẫn mới.

Thực hiện kiểm định chất lượng và hội nhập mạng lưới quốc tế: Cập nhật kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2025–2030; triển khai kiểm định chương trình đào tạo trong năm 2026 và giai đoạn 2026–2027 theo định hướng tích hợp; thực hiện đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng; tham gia đầy đủ các hoạt động của mạng lưới AUN-QA và các chuyên đề khác; thúc đẩy hoạt động đối sánh cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo, tham gia xếp hạng QS và AUN-HUF, cải thiện vị trí xếp hạng của Trường.

III. CÔNG TÁC SINH VIÊN

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên: Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, tinh thần yêu nước và trách nhiệm công dân thông qua tuần sinh hoạt công dân, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Tổ chức các hội thi, chuyên đề chính trị – tư tưởng như Olympic các môn Khoa học chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh, các phong trào tình nguyện,... góp phần hình thành nhân cách, bản lĩnh và văn hóa sinh viên Đại học Cần Thơ.

Nâng cao kỹ năng sống và phòng ngừa rủi ro: Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức chuyên đề về an toàn giao thông, an ninh mạng, phòng chống tệ nạn xã hội, ma túy, HIV/AIDS, các hội thi tuyên truyền,.. giúp sinh viên nhận thức đúng, hành động tích cực và chủ động phòng ngừa rủi ro trong học tập và cuộc sống.

Thực hiện đầy đủ chính sách và hỗ trợ sinh viên: Đảm bảo thực hiện kịp thời các chế độ học bổng, trợ cấp, hỗ trợ khó khăn, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho sinh viên. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ học tập, cố vấn học tập, kỹ năng mềm, khởi nghiệp, kết nối doanh nghiệp và mở rộng giao lưu quốc tế.

Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và ký túc xá: Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, bảo hiểm y tế sinh viên, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm. Cải tiến công tác quản lý ký túc xá theo hướng thân thiện, an toàn, hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên.

Phát huy tinh thần cộng đồng và trách nhiệm xã hội: Tổ chức các hoạt động xã hội như chiến dịch thanh niên tình nguyện hè, tiếp sức mùa thi, hiến máu tình nguyện,... nhằm khơi dậy tinh thần cống hiến, sẻ chia và trách nhiệm với cộng đồng trong sinh viên.

IV. CÔNG TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

4.1. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển Đại học Cần Thơ thành trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo của vùng ĐBSCL: Tập trung triển khai nghiên cứu theo 7 lĩnh vực ưu tiên, gắn với chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và phát triển bền vững. Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành và phòng thí nghiệm trọng điểm; phát triển các đề tài, dự án tầm quốc gia và quốc tế, đóng góp vào giải quyết các vấn đề chiến lược của vùng và cả nước.

Đổi mới cơ chế quản lý và nâng cao hiệu quả nhiệm vụ KH&CN: Cải tiến quy trình tuyển chọn, quản lý và đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu theo hướng mở và gắn kết với nhu cầu thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp và bộ ngành. Tăng tỷ lệ đề tài hợp tác với địa phương, bộ ngành và quốc tế; thúc đẩy ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, góp phần giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế – xã hội của vùng.

Thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp: Xây dựng môi trường khuyến khích sáng tạo trong giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên. Hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off), ươm tạo các dự án tiềm năng thông qua cuộc thi CTU Startup, phối hợp doanh nghiệp tổ chức các khóa đào tạo về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thương mại điện tử. Từng bước hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp gắn với nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Tăng cường hợp tác và lan tỏa học thuật: Mở rộng mạng lưới hợp tác với các viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước; tăng cường ký kết hợp tác toàn diện với các tỉnh, thành vùng ĐBSCL, mở rộng kết nối với miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và miền Trung. Tổ chức các hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, diễn đàn học thuật và ngày hội sinh viên nghiên cứu khoa học nhằm lan tỏa văn hóa nghiên cứu, nâng cao uy tín và vị thế học thuật của Đại học Cần Thơ trong khu vực và quốc tế.

4.2. Hoạt động sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ

Tăng cường quản lý và phát triển tài sản trí tuệ gắn với chiến lược khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường. Đẩy mạnh đăng ký, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu có tiềm năng ứng dụng và thương mại hóa cao, từng bước mở rộng ra phạm vi quốc tế.

Phát triển hệ thống chuyển giao công nghệ theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; đẩy mạnh tư vấn kỹ thuật, thương mại hóa sản phẩm khoa học – công nghệ, góp phần tăng tỷ trọng thu KHCN trên tổng nguồn thu của Nhà trường thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Nâng cấp hạ tầng thông tin và cơ sở dữ liệu KH&CN, tăng cường quản lý số và liên thông thông tin phục vụ công tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

4.3. Công tác xuất bản

Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động xuất bản: Triển khai các nhiệm vụ xuất bản và công bố khoa học theo định hướng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2025–2030. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 02-CT/ĐU; xây dựng định hướng đổi mới, nâng cao chất lượng và tăng cường hội nhập quốc tế trong công tác xuất bản giai đoạn mới.

Nâng tầm hệ thống Tạp chí khoa học của Đại học Cần Thơ: Tiếp tục nâng cao uy tín, chất lượng và tầm ảnh hưởng quốc tế của các Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Hoàn thiện định hướng chuyên môn của CTU Journal of Innovation and Sustainable Development sau khi được chỉ mục Scopus; phấn đấu gia nhập Ủy ban Đạo đức xuất bản (COPE) và Web of Science. Tiếp tục thúc đẩy công nhận, nâng điểm công trình của Tạp chí tiếng Việt và tiếng Anh tại các Hội đồng chức danh.

Điều chỉnh chính sách khuyến khích công bố khoa học: Rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng và quy đổi giờ nghiên cứu (giờ G) bảo đảm công bằng, hợp lý, khuyến khích giảng viên và nhà khoa học tăng cường công bố quốc tế, đặc biệt là các công bố trên các tạp chí thuộc danh mục Scopus và WoS.

Phát triển hoạt động xuất bản học liệu và xuất bản phẩm điện tử: Khuyến khích biên soạn, xuất bản giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo; từng bước mở rộng hình thức xuất bản điện tử (Ebook), góp phần phổ biến tri thức và lan tỏa sản phẩm học thuật của Trường đến cộng đồng khoa học và xã hội.

V. HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Hoàn thiện quy định về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng: Xây dựng và ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Đại học Cần Thơ; thiết lập cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm bảo đảm hiệu quả, thống nhất và bền vững trong triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tăng cường hoạt động tư vấn, chuyển giao tri thức và công nghệ cho địa phương và doanh nghiệp: Phát huy vai trò đầu tàu của ĐHCT trong nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao khoa học – công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long; tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh như nông nghiệp thông minh, chuyển đổi số, tài nguyên – môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực cộng đồng: Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương, doanh nghiệp và người dân; khuyến khích các đơn vị chủ động mở rộng hình thức hợp tác đào tạo, kết nối mạng lưới chuyên gia và cựu sinh viên để chia sẻ tri thức.

Phát triển các hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội và trách nhiệm cộng đồng: Tiếp tục phát huy truyền thống “Đại học Cần Thơ vì cộng đồng” thông qua các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, an sinh xã hội, như: Hiến máu nhân đạo, Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Xuân tình nguyện...

VI. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ VC-NLĐ

Hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ cấu quản lý: Tiếp tục triển khai Đề án chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ; hoàn thiện thủ tục công nhận các chức danh lãnh đạo và thành lập các hội đồng tư vấn theo quy định; Tổ chức lại các phòng, ban và kiện toàn đội ngũ quản lý; hoàn thiện đề án sắp xếp các trung tâm trực thuộc theo

hướng tinh gọn, hiệu quả; Xây dựng quy chế làm việc giữa các đơn vị ở Khu II, Khu Sóc Trăng và Khu Hòa An nhằm tăng cường phối hợp trong quản lý, điều hành.

Phát triển các đơn vị đào tạo chuyên ngành: Xây dựng Đề án tổ chức lại một số khoa thành trường chuyên ngành khi đủ điều kiện, hướng đến nâng cao năng lực quản trị và chất lượng đào tạo.

Triển khai Đề án nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ: Hoàn thành thủ tục xin phê duyệt và triển khai Đề án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu, ứng dụng khoa học của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị nhân sự: Tiếp tục thực hiện Đề án vị trí việc làm theo Luật Nhà giáo, Luật Viên chức và các quy định của pháp luật; đẩy mạnh phát triển đội ngũ, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ ở các lĩnh vực có nhu cầu cao.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản và quy định nội bộ: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về chế độ làm việc của giảng viên; xây dựng quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và cá nhân; hoàn thiện quy định về thực hiện Quy tắc ứng xử của Nhà giáo tại Đại học Cần Thơ.

VII. CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Phát triển và củng cố mạng lưới đối tác chiến lược: Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế thực chất và bền vững; xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với các trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế uy tín. Tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, nông nghiệp bền vững, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Đẩy mạnh hoạt động giao lưu và kết nối học thuật quốc tế: Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn học thuật và sự kiện giao lưu quốc tế; tăng cường trao đổi chuyên gia, giảng viên, sinh viên nhằm nâng cao năng lực học thuật, quảng bá hình ảnh và uy tín của Trường trên trường quốc tế.

Tăng cường quản lý và phát triển các dự án hợp tác quốc tế: Đổi mới công tác quản lý dự án theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả và minh bạch; đẩy mạnh huy động và quản trị nguồn lực tài chính từ các chương trình, dự án và dịch vụ quốc tế; bảo đảm sự gắn kết giữa hoạt động hợp tác với đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phục vụ cộng đồng, góp phần gia tăng nguồn lực phát triển Trường.

Phát triển hoạt động đào tạo quốc tế và liên kết đào tạo: Mở rộng và nâng cao chất lượng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế (2+2, 3+1,...); xây dựng chương trình song bằng, công nhận tín chỉ và hợp tác học thuật với các cơ sở giáo dục uy tín nước ngoài. Tăng cường trao đổi sinh viên, giảng viên và học viên, góp phần quốc tế hóa hoạt động đào tạo và nâng cao vị thế của Trường.

VIII. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ

Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch và tiếp tục phát triển hạ tầng phục vụ đào tạo, nghiên cứu và hội nhập: Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch tổng thể 1/500 Khu II, làm cơ sở cho việc triển khai các công trình mới. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất tại Khu II, bao gồm các hạng mục như: mặt ngoài Nhà điều hành, hàng rào và nhà bảo vệ Khu II, nhà học 4T2, nhà học Trường THPT Thực hành Sư phạm. Khởi công Khởi nhà học và thí nghiệm Trường Bách Khoa; chuẩn bị đầu tư các khối nhà học Trường

Kinh tế và Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông. Tiếp tục theo đuổi dự án xây dựng Trung tâm Đào tạo quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập. Tiếp tục công tác cải tạo cơ sở vật chất Phân hiệu ĐHCT tại Sóc Trăng để phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Phân hiệu. Hoàn thành thủ tục sáp nhập Trường Cao đẳng Luật Miền Nam và tiếp nhận CSVN để đưa vào khai thác.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và duy tu cơ sở vật chất: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành và giám sát cơ sở vật chất; sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, đặc biệt là trang thiết bị từ các dự án ODA và chương trình hợp tác quốc tế. Tăng cường kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản; thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống điện, nước, thông tin, cây xanh, môi trường. Xây dựng không gian học tập, nghiên cứu và làm việc an toàn, xanh, thân thiện, hiện đại.

Tăng cường công tác thiết bị và quản lý tài sản: Triển khai mua sắm, sửa chữa trang thiết bị theo kế hoạch được phê duyệt; đảm bảo quản lý tài sản hiệu quả, tiết kiệm và minh bạch; thu hồi và thanh lý các thiết bị hư hỏng không thể sửa chữa hoặc không còn sử dụng nhằm đảm bảo quản lý tài sản hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng phần mềm quản lý tài sản thống nhất trong toàn Trường; xây dựng quy trình quản lý và sử dụng tài sản được tài trợ, đảm bảo đúng mục đích và nâng cao hiệu quả hợp tác. Tăng cường đào tạo đội ngũ phụ trách thiết bị, nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng, kéo dài tuổi thọ tài sản. Chủ động tiếp nhận và triển khai các chương trình, dự án, nguồn tài trợ trong và ngoài nước, khai thác tối đa nguồn lực phục vụ phát triển bền vững của Trường.

Bảo đảm an ninh, an toàn và phòng cháy chữa cháy: Phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an và chính quyền địa phương trong công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn và phòng cháy chữa cháy; Thường xuyên tổ chức huấn luyện, diễn tập và thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động, đảm bảo an toàn tài sản và con người trong toàn Trường.

IX. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH VÀ SẢN XUẤT DỊCH VỤ

Xây dựng và điều hành kế hoạch tài chính phù hợp với quy mô đào tạo và định hướng phát triển của Trường, đảm bảo cân đối thu – chi. Ưu tiên thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho viên chức, người lao động theo quy định mới về tiền lương và thu nhập; đảm bảo ổn định tài chính, phục vụ tốt các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và đầu tư phát triển.

Tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi trong dự toán, giảm thiểu phát sinh ngoài kế hoạch. Thực hiện chi trong phạm vi khả năng thu, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý và phục vụ đúng mục tiêu chiến lược của Trường. Phân đầu đạt chênh lệch thu – chi khoảng 200 tỷ đồng trong năm 2025 để dành cho đầu tư các công trình trọng điểm theo kế hoạch.

Tăng tỷ trọng thu từ hoạt động khoa học công nghệ, dịch vụ và các hoạt động hợp tác khác, từng bước giảm phụ thuộc vào nguồn thu học phí. Khuyến khích các đơn vị chủ động phát triển hoạt động chuyên môn, mở rộng hợp tác, khai thác hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, góp phần tăng nguồn thu và nâng cao năng lực tài chính của Trường.

Thúc đẩy hoạt động sản xuất dịch vụ theo hướng tự chủ, chuyên nghiệp và gắn với nhiệm vụ đào tạo – nghiên cứu, hỗ trợ các đơn vị xây dựng phương án tài chính tự

chủ từ năm 2026. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động có thu, đảm bảo tuân thủ quy định, nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả tài chính.

Chủ động khai thác các nguồn tài trợ, hợp tác trong và ngoài nước, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và minh bạch. Hoàn tất các thủ tục quyết toán tài chính, thuế đối với các đơn vị sáp nhập, giải thể theo chủ trương; phát huy hiệu quả hợp tác để tăng cường nguồn lực phục vụ phát triển Trường.

Nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sinh viên và viên chức – người lao động: Từng bước cải tiến không gian dịch vụ theo hướng lịch sự, sạch đẹp, thân thiện, tạo môi trường sinh hoạt và học tập văn minh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và người làm việc trong Trường. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện đúng quy định, lắng nghe ý kiến đóng góp để cải thiện chất lượng phục vụ, xây dựng môi trường thân thiện, văn minh.

X. CÔNG TÁC THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động thư viện: Tiếp tục hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá hoạt động thư viện theo Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học. Tiếp tục rà soát, đồng bộ tài liệu trong đề cương chi tiết học phần với tài liệu trong hệ thống thư viện; đánh giá hiệu quả đầu tư nguồn học liệu do các đơn vị yêu cầu đặt mua.

Cải tiến dịch vụ và tăng cường quảng bá học liệu: Cải tiến các dịch vụ tiện ích, thiết kế không gian học tập và nghiên cứu phù hợp, đáp ứng nhu cầu người học. Tăng cường quảng bá, giới thiệu nguồn học liệu đến người sử dụng qua nhiều kênh thông tin. Cải tiến công cụ hỗ trợ người học trong việc khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn học liệu.

Phát triển hợp tác và nâng cao chuyên môn: Duy trì hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước, thực hiện giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn với các thư viện. Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn cho cán bộ thư viện phù hợp với nhu cầu và xu hướng phát triển.

Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tổng thể Trường giai đoạn 2026–2030: Triển khai xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tổng thể Trường trên cơ sở thực hiện: (1) Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2025–2030; (2) Nghị quyết số 234-NQ/ĐU ngày 02/6/2025 của Đảng ủy Trường Đại học Cần Thơ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; và (3) Nghị quyết số 51-NQ/ĐU ngày 29/4/2021 về “Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Trường Đại học Cần Thơ theo hướng đại học thông minh”.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong các hoạt động của Trường: Tiếp tục triển khai chuyển đổi số toàn diện gắn với hiện đại hóa công tác quản trị, đào tạo, nghiên cứu và truyền thông dựa trên dữ liệu; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn trong hoạt động điều hành, giảng dạy và hỗ trợ người học; Chú trọng nâng cao năng lực số và kỹ năng khai thác công nghệ mới cho viên chức, người lao động và người học, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng và vận hành ổn định hạ tầng công nghệ thông tin: Tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống, bảo mật dữ liệu, phòng chống tấn công mạng và

duy trì hoạt động liên tục, hiệu quả. Xây dựng và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống của Trường; tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ nhằm phát hiện, khắc phục kịp thời các rủi ro. Kết nối, liên thông dữ liệu với Trục văn bản quốc gia và Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; rà soát, điều chỉnh các quy định liên quan đến công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho phù hợp với quy định pháp luật. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản trị, điều hành và hoạt động đào tạo; ưu tiên đầu tư phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, đào tạo và kết nối hệ thống ngành.

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông và quảng bá hình ảnh Trường: Tiếp tục đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các tin, bài và nội dung truyền thông trên hệ thống Website, mạng xã hội và các phương tiện thông tin khác, phát huy vai trò là kênh truyền thông chính thống của Nhà trường; triển khai và mở rộng bộ nhận diện thương hiệu theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, gắn với các hoạt động học thuật, hợp tác quốc tế và quảng bá hình ảnh Trường. Tập trung triển khai các hoạt động truyền thông phục vụ kỷ niệm 60 năm thành lập Trường Đại học Cần Thơ, tạo dấu ấn lan tỏa về truyền thống, thành tựu và định hướng phát triển của Trường.

XI. Công pháp chế, quy định nội bộ và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ: Tổ chức rà soát, cập nhật và điều chỉnh các quy định, quy trình, thủ tục nội bộ để đảm bảo phù hợp với pháp luật và thực tiễn; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý và điều hành.

Đẩy mạnh công tác pháp chế và tư vấn pháp lý: Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cũng như các quy định nội bộ của Trường cho viên chức, người lao động và người học; tăng cường tư vấn pháp lý, hỗ trợ các đơn vị trong triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật và của Nhà trường; lồng ghép giáo dục pháp luật trong các hội nghị, sinh hoạt định kỳ và hoạt động đoàn thể.

Tăng cường thực hiện quy chế dân chủ cơ sở: Phối hợp với các đoàn thể trong Nhà trường để đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; phát huy vai trò tập thể, quyền tham gia, giám sát và phản hồi của viên chức, người lao động và người học; xây dựng môi trường làm việc dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm và văn minh. Thường xuyên cập nhật, công khai thông tin theo quy định, bảo đảm minh bạch và đúng pháp luật.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát: Duy trì cơ chế kiểm tra nội bộ định kỳ và đột xuất theo chuyên đề, đặc biệt trong các lĩnh vực: tuyển sinh, đào tạo, cấp phát văn bằng – chứng chỉ, tuyển dụng, tài chính, quản lý tài sản công và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; kịp thời phát hiện và chấn chỉnh sai sót, nâng cao trách nhiệm giải trình của các đơn vị và cá nhân.

Nâng cao năng lực pháp chế và nghiệp vụ kiểm tra nội bộ: Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế và kiểm tra nội bộ cho viên chức phụ trách; chủ động theo dõi việc thi hành pháp luật và quy định nội bộ, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý của Nhà trường.

Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và kiểm toán nội bộ: Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên việc tuân thủ quy định; triển khai kiểm toán nội bộ định kỳ hằng năm theo quy định, góp phần xây dựng bộ máy quản lý minh bạch, liêm chính và hiệu quả.

C. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Hoàn thành Đề án Nâng cấp ĐHCT thành Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu, ứng dụng khoa học của TP Cần Thơ và vùng ĐBSCL.
2. Tỷ lệ tuyển sinh đại học chính quy đạt ít nhất 90%.
3. Tỷ lệ SV chính quy tốt nghiệp đúng hạn trên 80%.
4. Tỷ lệ người tốt nghiệp đại học có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo, tự tạo việc làm hoặc học tiếp trình độ cao hơn trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp: trên 70%
5. Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên về chất lượng và hiệu quả giảng dạy: 80%.
6. Tỷ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ: 60%
7. Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể về quá trình học tập và trải nghiệm: trên 70%.
8. Có 15 giảng viên đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư.
9. Số lượng SV quốc tế học tại trường (dài hạn/ngắn hạn): 700
10. Hoàn thành kiểm định chất lượng 12 CTĐT
11. Số lượng đề tài cấp cơ sở, dự án NCKH cấp Nhà nước, Bộ, địa phương, doanh nghiệp đăng ký mới: 245
12. Tỷ trọng thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ trên tổng thu: 10%.
13. Số lượng công bố khoa học và công nghệ (trong danh mục Web of Science hoặc Scopus) tính bình quân trên một giảng viên: 0,6.
14. Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ: 14.
15. Tỷ lệ quy trình và hồ sơ công việc của từng đơn vị được xử lý trên môi trường mạng trên 75%.
16. Văn bản nội bộ của Trường luân chuyển trên hệ thống Eoffice được ký số 100%. 

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, VPT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

Phụ lục I

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Kết quả tuyển sinh đại học chính quy năm 2025

Thu nhận 10.179 SV/10.606 chỉ tiêu (đạt tỉ lệ 95,97% % chỉ tiêu, không tính 334 học sinh diện xét tuyển thẳng năm 2024 được xét tuyển vào đại học năm 2025), trong đó: 08 SV trúng tuyển theo Phương thức 1 tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển; 2.785 SV trúng tuyển theo Phương thức 2 xét điểm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT; 4.638 SV trúng tuyển theo Phương thức 3 xét điểm học bạ THPT; 2.702 SV trúng tuyển theo Phương thức 4 xét điểm Kỳ thi V-SAT; 46 SV từ dự bị đại học; 0 SV diện bảo lưu kết quả trúng tuyển từ các năm trước. Ngoài ra, trong đó có 370 SV học tại Cơ sở Hậu Giang (Khu Hòa An trước đây) và 146 SV học tại Cơ sở Sóc Trăng; có 87 SV chương trình tiên tiến và 943 SV chương trình chất lượng cao. Trường không tổ chức xét tuyển đợt bổ sung. (số liệu 30/9/2025)

Chương trình tiên tiến (87SV): ngành Công nghệ sinh học 45 SV và ngành Nuôi trồng thủy sản 42 SV. **Chương trình chất lượng cao (943 SV):** ngành Kinh doanh quốc tế 81 SV, ngành Tài chính – Ngân hàng 42 SV, ngành Quản trị kinh doanh 78 SV, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 47 SV, ngành Công nghệ thông tin 84 SV, ngành Kỹ thuật phần mềm 77 SV, ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học 39 SV, ngành Ngôn ngữ Anh 125 SV, ngành Công nghệ thực phẩm 79 SV; ngành Kỹ thuật điện 51 SV; ngành Kỹ thuật xây dựng 70 SV; ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa 47 SV; Hệ thống thông tin 42 SV; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu 40 SV; và Thú y 41 SV. (số liệu 30/9/2025)

2. Tốt nghiệp năm học 2024-2025

Tốt nghiệp Đợt 1: có 3.277 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó: 3.136 SV bằng đại học thứ nhất, 02 SV bằng đại học thứ hai, 28 SV học chương trình thứ hai, 60 SV liên thông, 01 SV cử tuyển, 49 SV xét tuyển thẳng và 01 SV dự bị đại học.

Tốt nghiệp Đợt 2: có 3.310 SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó 3.215 SV bằng đại học thứ nhất, 0 SV bằng đại học thứ hai, 20 SV học chương trình thứ hai, 44 SV liên thông, 0 SV cử tuyển, 27SV xét tuyển thẳng và 04 SV dự bị đại học.

Tốt nghiệp lần 1 - Đợt 3: có 1.823SV đại học hình thức chính quy tốt nghiệp, trong đó 1.735 SV bằng đại học thứ nhất, 02 SV bằng đại học thứ hai, 11 SV học chương trình thứ hai, 45 SV liên thông, 0 SV cử tuyển, 26 SV xét tuyển thẳng và 04 SV dự bị đại học. Số SV tốt nghiệp năm 2025 ít hơn 745 SV so với năm 2024 (năm 2024: 9.155; năm 2023 là 7.920 SV; năm 2022 là 7.837 SV). Năm 2025, có 6.291 SV/7.711 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỷ lệ 81,6% (năm 2022 có 5.617 SV/7.520 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỷ lệ 74,7%; năm 2023 có 4.983 SV/6.634 tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỷ lệ 75,1%; năm 2024 có 7.244 SV/9.180 SV tốt nghiệp đúng tiến độ đạt tỷ lệ 78,9%).

3. Công tác đảm bảo chất lượng

Bảng 1.1. Kết quả kiểm định 16 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT

TT	Chương trình đào tạo	Kết quả (/100%)
	<i>10 CTĐT nhận chứng nhận vào tháng 9/2024</i>	
1	Sư phạm Lịch sử	98%
2	Sư phạm Địa lý	98%
3	Sư phạm Tin học	98%
4	Giáo dục tiểu học	98%
5	Quản lý giáo dục (trình độ thạc sĩ)	98%
6	Chính trị học	96%
7	Giáo dục công dân	96%
8	Công nghệ kỹ thuật hóa học	98%
9	Kỹ thuật môi trường	98%
10	Kinh doanh nông nghiệp	98%
	<i>6 CTĐT nhận chứng nhận vào tháng 12/2024</i>	
11	Văn học Việt Nam (trình độ thạc sĩ)	96%
12	Luật Kinh tế (trình độ thạc sĩ)	96%
13	Sư phạm tiếng Pháp	96%
14	Thông tin - Thư viện	96%
15	Tài chính - Ngân hàng	96%
16	Kinh tế	96%

Bảng 1.2. Kết quả đánh giá 8 CTĐT theo tiêu chuẩn chất lượng của AUN-QA

TT	Chương trình đào tạo	Điểm trung bình (/7,0)
	<i>4 CTĐT nhận chứng nhận vào tháng 7/2025</i>	
1	Kinh doanh quốc tế	4,38
2	Quản lý Kinh tế trình độ thạc sĩ	4,13
3	Quản lý công nghiệp	4,25
4	Sinh học ứng dụng	4,25

TT	Chương trình đào tạo	Điểm trung bình (/7,0)
	<i>4 CTĐT nhận chứng nhận vào tháng 8/2025</i>	
5	Kinh doanh thương mại	4,38
6	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	4,25
7	Nông học	4,25
8	Khoa học cây trồng trình độ thạc sĩ	4,13

Bảng 1.3. Tập huấn công tác BDCL trong năm học 2024-2025

TT	Nội dung tập huấn	Thời gian	Số lượt tham dự
1	Tập huấn Tiêu chuẩn AUN-QA	14/8/2024	30
2	Tập huấn công tác BDCL năm 2024	10/10/2024	133
3	Tập huấn công tác BDCL và KĐCL giáo dục cho các CSGD ĐH và Cao đẳng sư phạm	26/11/2024	86
4	Tập huấn hướng dẫn CDR của CTĐT và CDR học phần	24/12/2024	93
5	Tập huấn BDCL CTĐT đánh giá ngoài theo Tiêu chuẩn AUN-QA năm 2025	30 đến 31/12/2024	127
6	Tập huấn xây dựng, kiện toàn hệ thống BDCL bên trong của ĐHCT (Đợt 1)	09 đến 10/01/2025	143
	Tập huấn xây dựng, kiện toàn hệ thống BDCL bên trong của ĐHCT (Đợt 2)	17/02/2025	57
	Tập huấn xây dựng, kiện toàn hệ thống BDCL bên trong của ĐHCT (Bổ sung đợt 2)	01 đến 02/04/2025	111
	Tập huấn xây dựng, kiện toàn hệ thống BDCL bên trong của ĐHCT (Đợt 3)	15 đến 16/04/2025	52
7	Tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT AUN-QA	22/5/2025	30
8	Tập huấn cho đội ngũ BDCL và KĐCL về tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT	28/5/2025	47

TT	Nội dung tập huấn	Thời gian	Số lượt tham dự
9	Thông tin, sinh hoạt BLQ về đánh giá AUN-QA (các đợt 440, 454, 467)	23/02/2025, 08/6/2025, 24/8/2025	465
	Tổng		1.374

Phụ lục II
SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Bảng 2.1. Kết quả rèn luyện của sinh viên

Học kỳ/năm học	Xuất sắc	Tốt	Khá	TB khá	Trung bình	Yếu - kém	Tổng số
2023-2024 (I)	5.807	10.256	10.832	5.695	838	21	33.449
2023-2024 (II)	5.332	8.134	9.397	5.315	815	25	29.018
2024-2025 (I)	7.040	10.132	9.559	5.658	1.038	26	33.453
2024-2025 (II)	7.504	8.182	8.468	4.898	1.131	31	30.214
2024-2025 (III)	6.004	6.876	7.295	4.982	711	24	25.892

Phụ lục III

NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Bảng 3.1: các nhiệm vụ KH&CN đã và đang triển khai trong năm học 2024-2025

TT	Nhiệm vụ KH&CN	Số lượng	Kinh phí năm 2024-2025 (x 1000 VNĐ)
1	Đề tài cấp Bộ năm 2024 tiếp tục	22	8.379.000
2	Đề tài cấp Bộ năm 2025 mới	17	2.394.000
3	Đề tài Nafosted năm 2024 tiếp tục	09	3.554.000
4	Đề tài NCKH của sinh viên mới năm 2025 (SV đại trà)	221	3.315
5	Đề tài NCKH của sinh viên mới năm 2025 (SV chất lượng cao/tiên tiến)	173	2.753
6	Chương trình cấp cơ sở (VC thực hiện) mới năm 2025 (7 chương trình với tổng 33 đề tài cơ sở)	7	840
7	Đề tài cấp cơ sở (VC thực hiện) mới năm 2025	124	3.650
8	Đề tài hợp tác với địa phương năm 2022 tiếp tục năm 2025	10	14.785.680
9	Đề tài hợp tác với địa phương năm 2023 tiếp tục năm 2025	21	39.238.203
10	Đề tài hợp tác với địa phương năm 2024 tiếp tục năm 2025	19	35.199.479
11	Đề tài hợp tác với địa phương năm 2025	07	13.406.085
	Tổng cộng	630	116.967.005

Phụ lục IV

TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bảng 4.1. Đội ngũ viên chức, người lao động của Trường

TT	Nhân sự	01/8/2024	01/8/2025	Tăng/giảm (người)
1.	Trường trả lương	1.516	1532	+16
1.1.	Giảng viên	1.075	1104	+29
1.2.	Giáo viên TH phổ thông	16	18	+2
1.3.	Viên chức hành chính	238	235	-3
1.4	Nhân viên phòng thực hành, thí nghiệm.	102	95	-7
1.5.	Nhân viên phục vụ	85	80	-5
2.	Đơn vị trả lương	373	353	-20
Tổng		1.889	1.885	-4

Bảng 4.2. Đội ngũ VC-NLĐ theo trình độ

TT	Nhân sự theo trình độ	01/8/2024		01/8/2025		Tăng/giảm (người)
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Tiến sĩ	618	32.7	649	34.4	+31
2	Thạc sĩ	685	37.9	698	37.0	+13
3	Đại học, Cao đẳng	466	22.3	429	22.8	-37
4	Trung cấp	32	1.9	27	1.4	-5
5	Trình độ khác	88	5.1	82	4.4	-6
Tổng		1.889	100	1.885	100	-4

Bảng 4.3. Đội ngũ giảng viên theo chức danh

TT	Giảng viên theo chức danh, học vị	01/8/2024		01/8/2025		Tăng/ giảm (người)
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Giáo sư	20	1.8	23	2.0	+3
2	Phó Giáo sư	166	15.0	181	16.0	+15
3	Giảng viên cao cấp	4	0.4	4	0.4	+0
4	Giảng viên chính	307	27.7	283	25.0	-24
5	Giảng viên	578	52.2	613	54.2	+35
6	Trợ giảng	33	3.0	28	2.5	-5
Tổng		1.108	100	1.132	100	+24

Bảng 4.4. Đội ngũ giảng viên theo trình độ

T T	Giảng viên theo trình độ	01/8/2024		01/8/2025		Tăng/ giảm (người)
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Tiến sĩ	612	56.9	643	58.2	+31
2	Thạc sĩ	450	41.9	446	40.4	-4
3	Đại học	13	1.2	15	1.4	+2
Tổng		1.075	100	1.104	100	+29

Phụ lục V

CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Bảng 5.1: Số lượng người học tham gia trao đổi từ ĐHCT

TT	Quốc gia				Khu vực		
	Quốc gia	Số lượng người học	Tỷ lệ %	So với NH 2023-2024	Khu vực	Số lượng người học	Tỷ lệ %
1	Thailand	229	42,96	+ 26,52%			
2	Taiwan	135	25,33	+ 101,49%	Châu Á	594	96,81
3	Japan	44	8,26	+ 91,30%	Đông Nam Á	337	63,23
4	Indonesia	44	8,26	+ 33,33%	Đông Bắc Á	179	33,58
5	Malaysia	22	4,13	- 80,00%			
6	Cambodia	14	2,63	-75,00%	Châu Âu	16	3,00
7	Singapore	11	2,06	- 8,33%			
8	Philippines	10	1,88	-16,67%	Khác	1	0,19
9	Czech	8	1,50	Lần đầu tiên			
10	Brunei	7	1,31	- 41,67			
11-17	France, Spain, Germany, Portugal, Switzerland, Egypt	9	1,69				
Tổng số		533		+ 15,87%			

Bảng 5.2: Các khóa học thuộc Học phần Nhiệt đới

T T	Tên đoàn	Quốc tịch	Ngày đến	Ngày đi	Sinh viên	Cán bộ
1	Đại học Gakushuin	Nhật Bản	08/9/2024	09/9/2024	22	5
2	Challenges Abroad	VQ Anh	31/10/2024	01/11/2024	15	3
3	Đại học Maryland	Hoa Kỳ	28/12/2024	18/01/2025	11	1
4	Đại học Tasmania	Úc	15/01/2025	20/01/2025	35	3

T T	Tên đoàn	Quốc tịch	Ngày đến	Ngày đi	Sinh viên	Cán bộ
5	Đại học Utah State	Hoa Kỳ	09/02/2025	15/02/2025	5	2
6	THINK Global School	Hoa kỳ	12/02/2025	15/02/2025	11	3
7	Đại học Purdue	Hoa Kỳ	15/3/2025	22/3/2025	8	4
Tổng cộng					107	21

Phụ lục VI

CÔNG TÁC XÂY DỰNG, QUẢN TRỊ VÀ THIẾT BỊ

6.1. Các công trình được sửa chữa năm học 2024-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Ghi chú
A	Khu II (48 hạng mục, nội dung)	22.071,47	19.797,03	
I	<i>Trường Bách khoa</i>			
1	Cải tạo phòng 309/CN thành phòng Kiến trúc & Mỹ thuật	300,00	246,20	
2	Cải tạo PTH chung tầng 1 tòa nhà kết cấu công trình	180,00	168,87	
3	Cải tạo phòng dạy học tích cực thực hành Mỹ thuật Khoa Kỹ thuật Xây dựng	220,00	199,00	
II	<i>Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông</i>			
1	Cải tạo chống thấm mái, 04 khu vệ sinh lầu, sơn vách tường, hành lang tòa nhà	850,00	801,38	
2	Nâng cấp 04 khu vệ sinh tầng trệt, cải tạo phòng thực hành máy tính (Phòng 201) thành phòng họp đa chức năng, nâng cấp phòng Nghiên cứu sinh, nâng cấp sân trong, chống thấm cục bộ một số vị trí tòa nhà	800,00	758,31	
III	<i>Trường Kinh tế</i>			
1	Sơn tường và lát nền Khoa Quản trị du lịch dịch vụ và lễ hành, Khoa kế toán kiểm toán, Khoa Quản trị kinh doanh Trường Kinh tế	250,00	237,67	
IV	<i>Trường Nông nghiệp</i>			
	Cải tạo nhà làm việc, nhà kho, trại chăn nuôi, đường đi chính, hệ thống đê bao làm trại thực nghiệm nông nghiệp, Trường Nông Nghiệp	487,90	478,40	
V	<i>Trường Thủy sản</i>			
1	Cải tạo sửa chữa, sơn mặt trong, mặt ngoài Nhà thí nghiệm 2 tầng, nhà chứa máy bơm và máy phát điện	540,00	458,40	
2	Cải tạo, mở rộng và nâng cấp Hội trường 1, Trường Thủy sản.	300,00	271,27	

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Ghi chú
3	Đường bê tông đi từ cổng phụ vào khu vực trạm trại trường Thủy sản - ĐHCT	280,00	240,00	
4	Đường đi nội bộ từ nhà học đến nhà 2 tầng Trường Thủy Sản	80,00	72,00	
VI	<i>Khoa Khoa học Tự nhiên</i>			
1	Cải tạo cụm phòng thí nghiệm và phòng thực hành bộ môn Sinh học, xử lý chống thấm hội trường, vách tường, sơn lại vách sau các Phòng thí nghiệm Bộ môn Vật lý, thay cửa, chống thấm mái nhà vệ sinh tầng 3 và Khoa KHTN	600,00	567,61	
2	Cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy và nền nhà vị trí đường ống, Khoa Khoa học Tự nhiên	92,90	92,90	
VII	<i>Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn</i>			
1	Sơn mặt ngoài, chống thấm, cải tạo nhà vệ sinh, nâng nền, lát gạch sân và đường vào khoa	250,00	232,28	
VIII	<i>Khoa luật</i>			
1	Xử lý thấm ốp chân tường tầng trệt nhà làm việc (tiếp giáp công trình ODA), chống thấm, cải tạo phòng học, cải tạo phòng 201 thành phòng họp & hội nghị trực tuyến	300,00	275,35	
2	Xử lý, ốp chân tường, thay đèn phòng 101, 102, cải tạo hệ thống cống thoát nước, chống thấm một số vị trí nhà học và khu vực văn phòng làm việc	500,00	489,75	
IX	<i>Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên</i>			
	Cải tạo các hạng mục công trình tòa nhà Khoa	200,00	189,82	
X	<i>Khoa Sư phạm</i>			
1	Bảo trì, chống thấm, cải tạo khối văn phòng, hội trường, nhà học C2 và sảnh Nhà thực hành Lý - Hóa - Sinh.	710,00	676,07	
XI	<i>Khoa Giáo dục Thể chất</i>			
1	Cải tạo sân, hệ thống thoát nước, thay một phần mái tole nhà tập luyện TDTT cũ	540,00	463,20	

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Ghi chú
XII	<i>Khoa Khoa học chính trị</i>			
1	Cải tạo cảnh quan, hệ thống tưới nước, hệ thống thoát nước xung quanh tòa nhà khoa Khoa học Chính trị	284,60	274,60	
XIII	<i>Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu</i>			
1	Cải tạo phía sau và bên trái tòa nhà Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu làm chỗ để xe hai bánh cho cán bộ Viện	50,00	47,80	
2	Cải tạo phòng họp, phòng làm việc Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu	100,00	84,95	
XIV	<i>Khu vực Ký túc xá (P.CTSV)</i>			
1	Cải tạo sửa chữa các dãy B15A, B15B ký túc xá Khu A	990,00	897,97	
2	Cải tạo, xử lý chống thấm một số khu vệ sinh của các dãy nhà KTX B	510,00	487,77	
XV	<i>Các đơn vị khác</i>			
1	Nâng cấp con đường từ cổng Trường THPT THSP đến TT Phát triển Kỹ năng Sư phạm	308,50	302,80	
2	Cải tạo chống ngập, chống dột các khối nhà trệt Viện nghiên cứu phát triển Đồng bằng sông Cửu Long	100,00	96,97	
3	Chống thấm mái, giếng trời, sửa một số phòng lầu 4 tòa nhà TTHL	300,00	247,06	
4	Cung cấp vật tư phụ và nhân công lắp đặt máy lạnh tại phòng Quản trị - Thiết bị	50,00	47,50	
XVI	<i>Khu vực công cộng (12 nội dung, hạng mục công trình)</i>			
1	Cải tạo đoạn đường phía sau Khu phức hợp phòng thí nghiệm nghiên cứu	947,50	914,50	
2	Dự án cải tạo đường nội bộ từ cổng B đến Khoa Thủy sản, Khu II	6.977,20	6.333,90	
3	Cổng tạm Hồ bún Xáng; Hàng rào tạm Khu I; Cải tạo đoạn hàng rào ATM Khu I; chống thấm một số vị trí nhà học C1; Sửa đoạn hàng rào phía sau Trường THSP; Vá hàng rào, sửa trụ bảng sơ đồ Khu II ...	100,00	87,45	
4	Cải tạo cảnh quan khu vực công cộng từ tháng 08/2023 - 12/2023	281,66	281,66	

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Ghi chú
5	Cải tạo cảnh quan khu vực công cộng từ tháng 01/2024 - 07/2024	259,20	202,90	
6	Vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh từ tháng 08/2023-12-2023	253,20	253,20	
7	Vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh từ tháng 01/2024 - 07/2024	540,00	409,50	
8	Dặm vá một số tuyến đường nội bộ, vỉa hè, hồ ga thu nước mặt, sơn vạch kẻ đường Khu II - ĐHCT	269,50	264,50	
9	Chống lún sụp và lát gạch tự chèn phía trước sảnh Nhà điều hành	245,30	237,40	
10	Cải tạo cảnh quan, vỉa hè khu vực Nhà văn hóa KTX Khu A	161,60	158,60	
11	Cung cấp và lắp đặt bổ sung thiết bị camera giám sát an ninh tại Khu II - Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	800,00	261,10	
12	Cải tạo hệ thống thoát nước, HTKT	50,00	33,00	
XVII	<i>Các cơ sở dịch vụ (08 hạng mục)</i>			
1	Hàng rào giữ xe 2 bánh Tòa nhà phức hợp phòng thí nghiệm	40,16	40,16	
2	Cải tạo nền bãi giữ xe Văn phòng Đoàn - Đại học Cần Thơ	418,00	406,51	
3	Cải tạo nền bãi giữ xe sinh viên Nhà điều hành - Đại học Cần Thơ	37,63	37,63	
4	Cải tạo nhà để xe cán bộ trường Kinh tế - Đại học Cần Thơ	96,69	96,69	
5	Thay mới máng xối nhà xe Môi trường – Đại học Cần Thơ	19,66	19,66	
6	Cải tạo nhà giữ xe Khu III - Đại học Cần Thơ	187,50	187,50	
7	Chống thấm dột, thay mới la phong phòng tập GYM - Đại học Cần Thơ	165,00	165,00	
8	Mở rộng bãi giữ xe 2 bánh Tòa nhà phức hợp phòng thí nghiệm	47,77	47,77	
XVIII	<i>Điều chỉnh Quy hoạch khu II</i>			
	Thực hiện các thủ tục xin điều chỉnh quy hoạch khu II			Đang thực hiện
B	Khu I (05 hạng mục)	669,10	646,40	
1	Dời nhà xe từ khoa Luật qua làm nhà xe cán bộ khoa Ngoại Ngữ (2023)	94,30	94,30	KNN

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Ghi chú
2	Cải tạo hệ cống thoát nước, san lấp chống ngập cạnh hàng rào Khu I - ĐHCT	291,00	286,00	
3	Tổng vệ sinh, phát hoang cây cỏ dại, mé nhánh cây xanh và dây leo trên dây điện và cột dây điện cáp trong khuôn viên khu I – Đại học Cần Thơ chuẩn bị Tết nguyên Đán 2024	20,00	15,00	
4	Sửa chữa, cải tạo đèn chiếu sáng đường nội bộ khuôn viên khu 2 và lưới điện hạ thế khu 1	63,80	63,80	
5	Chống thấm vách tường phòng làm việc các bộ môn, chống thấm sê nô các dãy B,C,D nhà học và văn phòng Khoa Ngoại ngữ.	200,00	187,36	
C	Khu Hòa An (05 hạng mục)	2.683,3	2.364,38	
I	<i>Khoa Phát triển Nông thôn</i>			
	Cải tạo sàn gạch 02 phòng học khối nhà mới, căn tin Khoa thành không gian sinh hoạt SV	460,00	434,77	
	Cải tạo, Cải tạo đoạn đường nối từ KTX Hậu Giang đến các trại thực nghiệm Khu Hòa An	280,00	250,83	
II	<i>Trung tâm GDQP&AN</i>			
	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành, đường nội bộ	800,00	680,95	
	Cải tạo giảng đường, xử lý chống thấm các ký túc xá	800,00	654,83	
	Lắp đặt đường dây, cột điện và hệ thống đèn chiếu sáng đoạn đường bê tông nối kết Trung tâm Giáo dục QP&AN với Khoa Phát triển nông thôn	343,30	343,00	
D	Khu Bùng Bình (Trung tâm NCUD Thủy sản CNC tại Quận Cái Răng) (03 hạng mục)	1.450,00	1.326,22	
1	Xây dựng nhà học và thực hành	1.000,00	926,44	
2	Hệ thống trụ đèn chiếu sáng, camera bao quanh khu đất	230,00	205,81	
3	Hệ thống camera bao quanh khu đất	220,00	193,97	
E	Khu Măng Đen (02 hạng mục)	47,00	45,5	

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Ghi chú
1	Cung cấp máy bơm, ống nước và thiết bị phục vụ tưới cây trồng tại khu Măng Đen	35,00	34.90	
2	Cung cấp phân bón cho cây thông cảnh quan trồng mới tại khu Măng Đen	12,00	10.60	
F	Khu Vĩnh Châu	800,00		
1	Xây dựng Công trình cầu giao thông, xây tường hàng rào phía sau, trụ hàng rào bên trái, bên phải khu đất	800,00	Đang thực hiện	Đang thực hiện

6.2. Hợp đồng mua sắm tài sản và dịch vụ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
I	Kinh phí Trường giao Phòng Phát triển cơ sở vật chất và dự án tham mưu	19.738,84	17.383,71		
1	Mua sắm thiết bị tin học và ngoại vi cho Trường Bách khoa và Cơ sở Sóc Trăng	821,66	682,23		
2	Thiết bị nâng cao năng lực đào tạo về kỹ thuật đo lường cơ khí, Khoa Kỹ Thuật Cơ Khí	400,00	345,34		
3	Mua sắm thiết bị tin học và ngoại vi cho Trường Công nghệ thông tin và truyền thông (Máy tính thay thế cho PTH, thiết bị PTN TGMT&XLA và ngành truyền thông đa phương tiện)	1.400,00	1.221,70		
4	Trang bị ghế cho hội trường Trường Thủy sản	300,00	263,52		
5	Đầu tư thiết bị giảng dạy thực hành các môn học thuộc chương trình tiên tiến và CLC cho phòng thực tập Hóa học	1.500,00	1.347,89		
6	Thiết bị tin học và ngoại vi	100,00	81,84		
7	Dụng cụ nội thất văn phòng	100,00	98,00		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
8	Mua sắm thiết bị tin học và ngoại vi cho Khoa Sư phạm và Trung tâm Đánh giá Năng lực Ngoại ngữ	1.281,27	907,60		
9	Bổ sung dụng cụ phòng thí nghiệm	50,00	46,51		
10	Thiết bị điện-điện tử	150,00	110,77		
11	Thiết bị tin học và ngoại vi	50,00	13,45		
12	Thiết bị nghe nhìn	100,00	99,66		
13	Bổ sung dụng cụ nội thất văn phòng	100,00	99,20		
14	Thiết bị tin học và ngoại vi	70,00	49,90		
15	Sửa chữa máy móc thiết bị	300,00	140,30		
16	Thiết bị tin học và ngoại vi	180,00	157,60		
17	Gia hạn bản quyền tường lửa Internet 01 năm và bản quyền tường lửa ứng dụng 01 năm (Một phần gói thầu: Gia hạn bản quyền các tính năng bảo mật của các tường lửa Checkpoint 15600, Barracuda WAF 961 và mua sắm ổ cứng cho máy chủ của Trường Đại học Cần Thơ)	1.320,00	1.238,00		
18	Bổ sung các điểm truy cập wifi, nâng cấp hệ thống mạng các đơn vị	1.450,00	1.365,90		
19	Thiết bị điện-điện tử	200,00	143,71		
20	Bổ sung thay thế thiết bị âm thanh, ánh sáng cho Hội trường Rùa	140,00	139,65		
21	Bảo trì các hệ thống báo cháy, thiết bị PCCC các đơn vị	244,34	234,60		
22	Gia công giường sắt Ký túc xá	750,00	717,02		
23	Lắp đặt máy lạnh cho Hội trường 3 Nhà Điều hành	400,00	93,79		
24	Lắp đặt màn hình Led cho Hội trường 4 Nhà Điều hành (Gói thầu: Mua sắm và lắp đặt màn hình LED cho Hội trường 4, lầu 8, nhà Điều hành)	400,00	284,90		
25	Máy chiếu bổ sung, thay thế cho các Nhà học	400,00	399,80		
26	Tivi bổ sung, thay thế các Nhà học	150,00	103,98		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
27	Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (Bao gồm các công trình thuộc Dự án ODA)	850,00	656,53		
28	Chi phí thẩm định giá Thiết bị lưu trữ cho Server Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	11,79	11,79		
29	Chi phí thẩm định giá thiết bị Wifi cho Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	6,61	6,61		
30	Chi phí thẩm định giá thiết bị nâng cao năng lực đào tạo về kỹ thuật đo lường cơ khí cho Khoa Kỹ thuật Cơ khí, Trường Bách khoa	6,26	6,26		
31	Chi phí thẩm định giá giường sắt cho Ký túc xá Phòng Công tác Sinh viên	10,50	10,50		
32	Chi phí thẩm định giá Máy chiếu cho các Nhà học	6,40	6,40		
33	Chi phí thẩm định giá tủ đựng hóa chất và tủ hút khí độc Khoa Môi trường	12,58	12,58		
34	Chi phí thẩm định giá ghế hội trường cho Trường Thủy sản	5,76	5,76		
35	Mua 04 máy in phục vụ công tác thu nhận hồ sơ đón tân sinh viên K50 năm 2024	23,41	23,41		
36	Mua bổ sung thùng rác cho KTX, Khu II	65,34	65,34		
37	Phí thẩm định giá màn hình Led lampro P1.53 Indoor 9,3m2 cho hội trường 4, lầu 8 NDH năm 2024	5,99	5,99		
38	Phí thẩm định giá thiết bị thí nghiệm cho Trường Nông nghiệp, Trường Thủy sản và Viện Công nghệ sinh học - Thực phẩm năm 2024	15,80	15,80		
39	Phí thẩm định giá thiết bị tin học và ngoại vi cho Trường Bách khoa và cơ sở tại tỉnh Sóc Trăng năm 2024	11,00	11,00		
40	Phí thẩm định giá gia công mới dụng cụ nội thất bàn , ghế, tủ các loại cho các đơn vị thuộc Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	8,80	8,80		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
41	Phí thẩm định giá gia hạn phần mềm và dịch vụ bảo hành cho thiết bị Barracuda Web Application Firewall 961 SN#2444896 (1 năm)	16,50	16,50		
42	Chi phí thẩm định giá Thiết bị thí nghiệm cho Khoa Khoa học Tự nhiên	15,80	15,80		
43	Sơn sửa và lắp đặt giường sắt (40 bộ) và tủ sắt (10 bộ) cho KTX	62,92	62,92		
44	Thiết bị nghe nhìn và điện máy	97,23	97,23		
45	Dịch vụ lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ bao gồm vật tư, phụ kiện lắp đặt	62,03	62,03		
46	Gia công dụng cụ nội thất bằng gỗ	78,10	78,10		
47	Gia công mới, gia công sửa chữa dụng cụ nội thất	435,33	435,33		
48	Gia công rèm lá dọc cửa sổ (Nhà hành chính và phòng nghỉ giảng viên)	85,70	85,70		
49	Gia công sửa chữa bàn, ghế các loại	90,29	90,29		
50	Mua sắm 02 máy chiếu	48,40	48,40		
51	Mua sắm nệm, drap, gối, mền cho 06 giường phòng nghỉ	15,78	15,78		
52	Mua sắm 06 quạt đứng	4,25	4,25		
53	Mua bình chữa cháy các loại và phụ kiện	17,28	17,28		
54	Kiểm tra, vệ sinh, sơn sửa máy điều hòa nhiệt độ (23 bộ)	36,25	36,25		
55	Màn chiếu điện 170 inches, kệ, khung máy chiếu, dây cáp HDMI các loại	12,55	12,55		
56	Ổ cắm điện các loại	2,61	2,61		
57	Mua thùng rác các loại, hộp khăn giấy, nước khoáng, dụng cụ vệ sinh, ống mạ sắt treo cờ phướn, ...	13,29	13,29		
58	Mua thang nhôm, nước đóng chai, dụng cụ nhựa, làm cỏ, vệ sinh sân trường, bảng lễ khai giảng, ...	19,68	19,68		
59	Mua 02 loa di động và 01 loa sub điện	36,69	36,69		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
60	Mua 04 khung treo tivi di động	12,00	12,00		
61	Mua ghế xoay văn phòng	16,87	16,87		
62	Mua bảng từ trắng các loại và dụng cụ VPP	38,37	38,37		
63	Mua máy Photocopy đa chức năng	47,80	47,80		
64	Thuê xe tải vận chuyển bàn, ghế sửa chữa tại Xưởng	19,44	19,44		
65	Mua dây cáp tín hiệu, jack cắm, chân ghế gỗ kê bục ddeer tượng Bác và hoa tươi trang trí (Lễ khai giảng)	5,66	5,66		
66	Máy cờ phướn nhiều màu, decal logo ĐHCT, bục để tượng Bác, tượng Bác; Sao vàng và búa liềm	13,80	13,80		
67	Gia công dụng cụ nội thất bổ sung cho các phòng học Khoa Ngoại ngữ năm 2025	193,97	191,95		
68	Dịch vụ sửa chữa, bảo trì thiết bị, dụng cụ báo cháy tự động tại ký túc xá khu B, Phòng Công tác sinh viên năm 2025	255,66	249,75		
69	Gia công mới, gia công sửa chữa dụng cụ nội thất cho các đơn vị Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh, Phòng Công tác sinh viên và Phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ tại tỉnh Sóc Trăng năm 2025	666,46	666,46		
70	Lắp đặt bổ sung hệ thống camera giám sát an ninh ký túc xá, Phòng Công tác sinh viên năm 2025	241,52	241,52		
71	Lắp đặt màn hình led phục vụ giảng dạy cho giảng đường A và B của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh năm 2025	296,73	296,73		
72	Thiết bị thí nghiệm đào tạo vật liệu đường ô tô, Khoa Kỹ thuật công trình giao thông, Trường Bách khoa năm 2025	623,80	589,96		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
73	Mua sắm thiết bị thực hành vật lý kiến trúc cho Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Bách khoa năm 2025	272,00	269,16		
74	Thiết bị cho phòng thu hình studio của Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông năm 2025	608,29	605,88		
75	Mua sắm thiết bị thí nghiệm cho Trường Nông nghiệp, Trường Thủy sản và Viện Công nghệ sinh học và thực phẩm năm 2024	795,94	749,86		
76	Cung cấp, lắp đặt tủ đựng hóa chất và tủ hút khí độc cho khoa môi trường và tài nguyên thiên nhiên năm 2024	984,96	886,84		
77	Mua bổ sung thùng chứa rác thay thế tại Khu ký túc xá và các điểm lấy rác trong khuôn viên Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	97,42	97,42		
II	Kinh phí từ các Chương trình, dự án, các nhiệm vụ-đề tài nghiên cứu khoa học và kinh phí giao cho các đơn vị tham mưu	35.642,85	29.109,36	2.759,02	
1	Mua sắm máy tính phục vụ công tác đào tạo cho Trung tâm Công nghệ phần mềm năm 2024	840,25	780,00		
2	Mua sắm máy tính cho hệ thống phòng giảng dạy trực tuyến phục vụ đào tạo từ xa của Trung tâm Liên kết Đào tạo năm 2024	457,60	316,80		
3	Nâng cấp hệ thống tích hợp của Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	1.610,15	-	1.610,15	Đang thực hiện
4	Nâng cấp phần mềm quản lý Viên chức - Người lao động của Trường Đại học Cần Thơ	807,44	-	807,44	Đang thực hiện
5	Nâng cấp quản lý đề cương học phần của Trường Đại học Cần Thơ	341,44	-	341,44	Đang thực hiện

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
6	Mua sắm 08 ổ cứng HDD cho máy chủ (Một phần gói thầu: Gia hạn bản quyền các tính năng bảo mật của các tường lửa Checkpoint 15600, Barracuda WAF 961 và mua sắm ổ cứng cho máy chủ của Trường Đại học Cần Thơ)	253,00	200,00		
7	Dịch vụ thuê kênh Fiber thanh toán trả trước 12 tháng cho Khu I, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	15,84	15,84		
8	Dịch vụ thuê kênh Fiber thanh toán trả trước 12 tháng cho Khu II, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	648,00	648,00		
9	Dịch vụ internet trực tiếp cho Khu II, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	1.526,54	1.526,54		
10	Dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự tại Tòa nhà Phòng thí nghiệm Công nghệ cao (ATL) Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	144,00	132,00		
11	Dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự tại Tòa nhà Phúc hợp Phòng thí nghiệm (RLC) Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	300,00	273,42		
12	Cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự trong khuôn viên Khu I năm 2024	216,00	185,39		
13	Dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt tập trung ở tất cả các điểm lấy rác tại Khu II Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	210,00	157,50		
14	Dịch vụ vệ sinh tại Trường Bách khoa, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	283,80	230,96		
15	Dịch vụ vệ sinh tại Nhà học 3 tầng C2 và Hội trường Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	144,00	106,85		
16	Dịch vụ vệ sinh tại khu làm việc Nhà Điều hành, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	339,24	259,20		
17	Dịch vụ vệ sinh tại Nhà học D1, D2, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	264,00	178,85		
18	Dịch vụ vệ sinh tại nhà học A3, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	69,98	66,00		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
19	Dịch vụ vệ sinh tại Nhà học 2 tầng B1, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	138,00	103,68		
20	Dịch vụ vệ sinh tại Nhà học 3 tầng C1, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	132,00	103,68		
21	Dịch vụ vệ sinh tại hàng ngày tại Tòa nhà Phòng thí nghiệm công nghệ cao (ATL), Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	316,80	309,60		
22	Dịch vụ vệ sinh tại hàng ngày tại Tòa nhà Tòa nhà Phức hợp Phòng thí nghiệm (RLC), Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	772,20	596,16		
23	Dịch vụ vệ sinh tại Nhà học 5 tầng Trường Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	216,00	168,48		
24	Cung cấp dịch vụ kiểm định chất lượng 06 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	1.041,00	980,78		
25	Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán từ năm 2023 đến năm 2027 tại Trường Đại học Cần Thơ	2.200,00	1.900,00		
26	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán từ năm 2023 đến năm 2027 tại Trường Đại học Cần Thơ	15,00	15,00		
27	Lắp đặt bổ sung máy lạnh một số phòng thí nghiệm tòa nhà RLC	183,37	169,83		
28	Cung cấp sách giấy Ngoại văn và Quốc văn theo chuyên ngành đào tạo cho hệ thống thư viện Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	148,97	145,28		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
29	Phân tích hàm lượng dầu mỡ và kim loại nặng trong mẫu xỉ đáy lò đốt chất thải rắn sinh hoạt; Kiểm định các chỉ tiêu chất lượng của mẫu gạch theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; và Đánh giá tác động môi trường, Đề tài: Nghiên cứu tái sử dụng tro xỉ từ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng	203,46	190,67		
30	Mua nguyên vật liệu phục vụ thực nghiệm chế tạo mẫu gạch lát bê tông ở quy mô phòng thí nghiệm và sản xuất 4200 viên gạch trên dây chuyền sản xuất công nghiệp, Đề tài: Nghiên cứu tái sử dụng tro xỉ từ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng	103,49	100,95		
31	Hóa chất và dụng cụ thí nghiệm phục vụ phân tích cho Đề tài: “Xây dựng mô hình quản lý dinh dưỡng khoáng bền vững cho cây bưởi da xanh tại Bến Tre”	499,14	499,12		
32	Hệ thống lọc ương lươn giống và hệ thống lọc nuôi lươn Dự án: “Ứng dụng công nghệ tuần hoàn trong ương giống và nuôi lươn đồng (Monopterus albus) thương phẩm quy mô nông hộ tại thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp”	151,80	147,30		
33	Mua lươn giống và thức ăn Dự án: “Ứng dụng công nghệ tuần hoàn trong ương giống và nuôi lươn đồng (Monopterus albus) thương phẩm quy mô nông hộ tại thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp”	550,83	486,68		
34	Chi phí phân tích, thử nghiệm: phân tích mẫu nước, tăng trưởng của lươn, chất lượng lươn thịt Dự án: “Ứng dụng công nghệ tuần hoàn trong ương giống và nuôi lươn đồng (Monopterus albus) thương phẩm quy mô nông hộ tại thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp”	129,60	114,04		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
35	Gói thầu số 05: Thuê xe thực hiện đề tài cho Đề tài Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật phát triển bền vững cây quýt đường tại tỉnh Trà Vinh	199,50	184,17		
36	Khảo nghiệm Giá trị Canh tác và Sử dụng (VCU) giống lúa cho Đề tài Đa dạng sinh học cho những cơ hội, sinh kế và phát triển ở Việt Nam (BOLD)	162,00	162,00		
37	Gói thầu số 1: Mua thức ăn cho gà thực hiện Đề tài Chọn lọc, nâng cao năng suất trứng của gà Tre và xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà Tre sinh sản và gà Tre hướng thịt tại tỉnh Tiền Giang	179,40	172,18		
38	Gói thầu số 2: Mua hóa chất, vật tư tiêu hao cho Đề tài Chọn lọc, nâng cao năng suất trứng của gà Tre và xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà Tre sinh sản và gà Tre hướng thịt tại tỉnh Tiền Giang	92,89	92,89		
39	Gói thầu số 3: Cung cấp dịch vụ thuê xe cho Đề tài Chọn lọc, nâng cao năng suất trứng của gà Tre và xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà Tre sinh sản và gà Tre hướng thịt tại tỉnh Tiền Giang	51,00	51,00		
40	Cung cấp dịch vụ thuê xe đề tài Trồng thử nghiệm một số giống cây ăn trái cải tạo vườn tạp trong điều kiện khô hạn tại tỉnh Trà Vinh	172,30	157,10		
41	Gói thầu số 1: Thức ăn cho cá ương và nuôi Đề tài Phát triển nuôi dòng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) chịu mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh	593,90	565,82		
42	Gói thầu số 2: Dinh dưỡng, hóa chất, vật tư phục vụ ương và nuôi Đề tài Phát triển nuôi dòng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) chịu mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh	226,91	206,28		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
43	Gói thầu số 3: Hóa chất và dụng cụ phục vụ phân tích các chỉ tiêu bệnh và sinh lý Đề tài Phát triển nuôi dòng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) chịu mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh	125,47	122,00		
44	Gói thầu số 5: Thuê xe khảo sát và thu mẫu Đề tài Phát triển nuôi dòng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) chịu mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh	112,80	96,78		
45	Gói thầu 1: Dịch vụ thuê xe thực hiện đề tài: “Phát triển quy trình nuôi giun nhiều tơ (rươi) ở huyện Gò Công Đông, Tiền Giang”	83,20	83,20		
46	Gói thầu 2: Hóa chất và vật liệu thực hiện đề tài: “Phát triển quy trình nuôi giun nhiều tơ (rươi) ở huyện Gò Công Đông, Tiền Giang”	99,60	99,60		
47	Gói thầu 3: Thức ăn dùng trong các thí nghiệm thực hiện đề tài: “Phát triển quy trình nuôi giun nhiều tơ (rươi) ở huyện Gò Công Đông, Tiền Giang”	90,80	90,80		
48	Gói thầu số 2: Mua hóa chất thí nghiệm thực hiện đề tài: “Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản và chế biến sản phẩm từ quả nhãn”	95,93	95,93		
49	Gói thầu 1: “Mua sắm hóa chất và dụng cụ thí nghiệm cho Chương trình theo dõi giun đất ở Việt Nam (WORMAP)”	78,69	78,69		
50	Gói thầu 2: “Dịch vụ thuê phương tiện vận chuyển cho Chương trình theo dõi giun đất ở Việt Nam (WORMAP)”	90,45	90,45		
51	Gói thầu: Mua sắm nguyên vật liệu, hóa chất năm 2024 cho đề tài: “Chọn giống cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i> Günther, 1864) chịu mặn thích ứng với xâm nhập mặn ở	94,37	94,37		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
	Đồng bằng sông Cửu Long”- Mã số 106.05-2023.45				
52	Gói thầu: Mua bột sữa thực hiện Dự án “Ứng dụng và phát triển sản xuất sữa gạo lứt tím than trên địa bàn quận Ninh Kiều”	98,00	98,00		
53	Mua Cơ sở dữ liệu sách điện tử Ebook Central cho hệ thống thư viện Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	247,00	247,00		
54	Mua Cơ sở dữ liệu sách điện tử Springer Nature Business Management cho hệ thống thư viện Trường Đại học năm 2024	339,00	337,00		
55	Cung cấp sách điện tử ngoại văn ebook và sách in quốc văn theo chuyên ngành đào tạo cho hệ thống thư viện Trường Đại học Cần Thơ	627,03	625,66		
56	Máy đồng phục cho Viên chức – Người lao động Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	1.874,20	1.238,03		
57	Mua thẻ chip và ruy băng màu in thẻ sinh viên cho Trung tâm Học liệu năm 2024	277,00	191,69		
58	Dịch vụ bảo vệ và trông giữ xe tại nhà xe trong khuôn viên ký túc xá khu A năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ	720,00	678,96		
59	Dịch vụ bảo vệ và trông giữ xe tại nhà xe trong khuôn viên ký túc xá khu B năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ	696,00	568,56		
60	Dịch vụ vệ sinh tại dãy A1, A2 và rác nổi trong khuôn viên Ký túc xá khu A năm 2024	354,00	246,24		
61	Dịch vụ vệ sinh tại nhà 5 tầng 8 block và khuôn viên Ký túc xá khu B năm 2024	378,00	269,57		

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
62	Mua Cơ sở dữ liệu điện tử iThenticate kiểm tra bản thảo xuất bản cho Tạp chí khoa học tiếng Anh, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	275,00	273,00		
63	Cung cấp dịch vụ tổ chức Hội nghị tổng kết công tác liên kết đào tạo năm 2024	854,40	649,08		
64	Kiểm tra, sửa chữa và cải tạo hệ thống mạng, wifi, cáp quang và camera giám sát an ninh cho các đơn vị thuộc Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	168,80	168,80		
65	Lớp Bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung khóa 37 năm 2024-2025 cho Trường Đại học Cần Thơ	871,00	871,00		
66	Dịch vụ Tổ chức Thi đánh giá năng lực tiếng Anh cấp Chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) đợt 8 năm 2024 dành cho học viên của khóa bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ tiếng Anh cho giáo viên tiếng Anh tỉnh Cà Mau và thành phố Cần Thơ thuộc Đề án Ngoại ngữ Quốc gia giao Trường Đại học Cần Thơ tổ chức thực hiện năm 2024	202,30	202,30		
67	Cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho viên chức-người lao động, sinh viên và học sinh năm 2025-2026 tại Trường Đại học Cần Thơ	1.353,06	1.193,84	-	
68	Gia công mới dụng cụ nội thất cho Phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ tại tỉnh Sóc Trăng của Trung tâm Điện tử và Tin học năm 2025	117,89	117,89	-	

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
69	Dịch vụ phòng ở cho “Chương trình: Học tập và trải nghiệm thực tế về thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển hệ thống sản xuất thực phẩm nhiệt đới vùng Đồng bằng Sông Cửu Long”	99,18	99,18	-	
70	Cung cấp dịch vụ kiểm định chất lượng 06 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	1.068,00	882,89	-	
71	Mua sắm thiết bị tin học và ngoại vi phục vụ giảng dạy và khảo thí cho Trung tâm Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	820,11	696,85	-	
72	Gia công mới dụng cụ đồ gỗ nội thất phục vụ khảo thí cho Trung tâm Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ	63,88	63,88	-	
73	Mua sắm màn hình phục vụ giảng dạy cho phòng học tương tác thông minh của Trung tâm Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ	152,35	148,17	-	
74	Dịch vụ gia hạn bản quyền các tính năng bảo mật của tường lửa Đề án ngoại ngữ 2020 của Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	715,00	713,52	-	
75	Kiểm tra, sửa chữa và cải tạo hệ thống mạng, wifi, cáp quang và camera giám sát an ninh cho các đơn vị thuộc Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	168,80	168,80	-	
76	Thiết bị tin học và ngoại vi phục vụ giảng dạy cho Phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ tại tỉnh Sóc Trăng năm 2025	1.046,96	892,70	-	
77	Mua sắm thiết bị máy chủ cho Trung tâm Công nghệ phần mềm năm 2025	164,98	164,98	-	
78	Áo thun đồng phục làm quà tặng cho tân sinh viên nhập học khóa 51 năm 2025	748,00	506,09	-	

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
79	Mua sắm nguyên vật liệu, hóa chất năm 2025 thuộc đề tài đề tài “Nghiên cứu cơ chế giúp cây lúa tăng cường khả năng chịu mặn của một số dòng vi khuẩn hòa tan khoáng silicate và ứng dụng trong canh tác lúa thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long” - Mã số 106.04-2023.95	124,76	124,76	-	
80	Gói thầu số 01: Mua ốc len bố mẹ và nguyên vật liệu thuộc đề tài: “Thử nghiệm sinh sản ốc len (<i>Cerithidea obtusa</i> Lamarck 1822) và nuôi thương phẩm tại tỉnh Cà Mau”	98,00	98,00	-	
81	Thi công lát gạch thử nghiệm vỉa hè (02 địa điểm, 360 m ²) thuộc đề tài: “Nghiên cứu tái sử dụng tro xỉ từ lò đốt chất thải rắn sinh hoạt làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng”	250,00	249,84	-	
82	Dịch vụ Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) các giống lúa – Vụ Hè Thu 2025	112,00	112,00	-	
83	Gói thầu số 1: “Mua hóa chất và dụng cụ thí nghiệm” thuộc đề tài “Nghiên cứu bệnh trương bóng hơi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nuôi và đề xuất giải pháp phòng, trị bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”	305,58	305,38	-	
84	Gói thầu số 2: “Mua cá và thức ăn thí nghiệm” thuộc đề tài “Nghiên cứu bệnh trương bóng hơi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nuôi và đề xuất giải pháp phòng, trị bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”	241,40	217,45	-	
85	Mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu sách điện tử Elsevier cho hệ thống thư viện Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	502,00	500,00	-	

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
86	Mua thẻ chip, máy in và mực in thẻ màu cho sinh viên Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	295,94	248,13	-	
87	Mua cơ sở dữ liệu sách điện tử Ebook Central cho hệ thống thư viện Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	276,64	275,50	-	
88	Mua sắm thiết bị cho phòng thí nghiệm, phòng thực hành Hóa học - Trường Sư phạm Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	79,10	79,10	-	
89	Dịch vụ sửa chữa thay thế bộ điều khiển BMS bơm máy lạnh chiller tại Trung tâm Học liệu Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	76,77	76,77	-	
90	Dịch vụ sửa chữa thay thế bo màn hình điều khiển máy lạnh chiller 1 tại Trung tâm Học liệu, Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	106,60	106,60	-	
91	Mua sách giấy quốc văn cho hệ thống thư viện Đại học Cần Thơ năm 2025	126,11	126,11	-	
92	Thay màn kéo và cánh gà sân khấu Hội trường rùa Đại học Cần Thơ năm 2025	84,43	82,74	-	
93	"Dịch vụ in ấn Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Phòng Đào tạo, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024" bằng hình thức lựa chọn nhà thầu: "Tự thực hiện"	97,20	97,20	-	
94	Gia công dụng cụ nội thất cho Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ năm 2024	98,00	98,00	-	
95	Cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự trong khuôn viên Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông năm 2025	84,24	84,24	-	
96	Dịch vụ vệ sinh tại 02 Nhà thi đấu Khoa Giáo dục Thể chất, Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	68,69	68,69	-	

STT	Tên hạng mục	Dự toán	Thanh toán	Đang thực hiện	Ghi chú
97	Dịch vụ vệ sinh tại Khoa Dự bị Dân tộc, Trường Đại học Cần Thơ năm 2025	66,00	66,00	-	
98	“Xuất bản tờ thông tin tuyển sinh và in sổ tay phục vụ tuyển sinh năm 2025 cho Phòng Đào tạo, Trường Đại học Cần Thơ” bằng hình thức lựa chọn nhà thầu: “Tự thực hiện”	227,34	227,34	-	